

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày 1/4/1990 hệ thống Kho Bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính chính thức được thành lập và đi vào hoạt động trên phạm vi cả nước. Suốt chặng đường 17 năm xây dựng và phát triển, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, cấp ủy chính quyền các cấp và sự phối kết hợp chặt chẽ của các cơ quan Ban ngành Trung ương, địa phương, bằng sự phấn đấu nỗ lực không mệt mỏi của các thế hệ cán bộ, hệ thống Kho bạc Nhà nước đã có những bước phát triển nhanh, toàn diện và bền vững, khẳng định được vai trò là một công cụ quan trọng không thể thiếu trong bộ máy hành chính công quyền của Nhà nước thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quỹ Ngân sách nhà nước, các quỹ Tài chính của Nhà nước, huy động vốn cho Ngân sách Nhà nước và cho đầu tư phát triển và là đầu mối duy nhất thực hiện nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán Ngân sách Nhà nước.

Sự ra đời của hệ thống Kho bạc Nhà nước có thể khẳng định đó là kết quả tất yếu, khách quan xuất phát từ yêu cầu của quá trình đổi mới quản lý kinh tế, cải cách nền Tài chính quốc gia, khẳng định sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng và hoàn thiện bộ máy hành chính nhà nước để vận hành một cơ chế quản lý mới-cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, mà trong đó việc tập trung, phân phối và sử dụng có hiệu quả các quỹ tiền tệ của Nhà nước nói chung và quỹ Ngân sách Nhà nước nói riêng có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là một trong những nhân tố quyết định đến tốc độ phát triển và tăng trưởng của nền kinh tế, góp phần không nhỏ vào kết quả chung của ngành Tài chính trong khu vực.

Nhằm mục đích tìm hiểu những tác động đến quá trình quản lý quỹ Ngân sách Nhà nước, những hiệu quả mà quá trình quản lý đó đã mang lại và để kiểm tra những kiến thức đã được các Thầy Cô trao dồi. Em xin phép trình bày đề tài:

“ Vai trò của Kho bạc Nhà nước trong quản lý quỹ ngân sách Nhà nước trên địa bàn Tỉnh Trà Vinh ”.

Qua đó giúp cho Em thấy rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ của ngành Kho Bạc đối với sự phát triển kinh tế nước nhà cũng như việc áp dụng chính sách, chế độ, nguyên tắc về quản lý quỹ Ngân sách Nhà nước trên địa bàn, từ đó giúp cho bản thân có được những kiến thức mới nhằm phục vụ cho công tác chuyên môn ngày một hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ QUỸ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

I. Lịch sử hình thành NSNN

1. Sự ra đời của Ngân sách Nhà nước:

Trong lịch sử tiến hóa và phát triển của xã hội loài người, Nhà nước xuất hiện trong xã hội có giai cấp, để thực hiện chức năng duy trì trật tự xã hội.

Trong thời kỳ đầu của chế độ cộng sản nguyên thủy, xã hội chưa có giai cấp, nên chưa có Nhà nước. Quá trình phát triển của lực lượng sản xuất, xã hội đã phân chia thành giai cấp và Nhà nước ra đời, đại diện cho quyền lực của giai cấp thống trị. Muốn duy trì quyền lực này thì phải có quỹ tiền tệ được hình thành từ sự đóng góp của người dân, để nuôi dưỡng bộ máy quyền lực trên, đó chính là thuế.

Nguồn tài chính dùng để chi tiêu cho hoạt động của tổ chức bộ máy Nhà nước từ trung ương đến địa phương như chi quốc phòng, an ninh, xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng, chi về văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, phúc lợi công cộng....

Quỹ tiền tệ được hình thành và sử dụng như trên chính là Ngân sách Nhà nước.

Ngân sách không tách rời Nhà nước, bởi lẽ một Nhà nước ra đời trước hết cần phải có nguồn tài chính để chi tiêu cho mục đích tồn tại ngày càng vững mạnh của mình. Tất cả các nhu cầu chi tiêu tài chính của Nhà nước đều được thỏa mãn từ các nguồn thu từ thuế và các nguồn khác như vay dân, viện trợ...

Vì lẽ đó để Ngân sách Nhà nước được ổn định và phục vụ nhu cầu chi tiêu của Nhà nước một cách tối ưu, điều cần thiết là phải có kế hoạch thu, chi, phải tập hợp, cân đối các khoản thu, chi của Nhà nước và bắt buộc các khoản thu, chi phải thực hiện theo luật định, nhất là các khoản chi phải theo tiêu chuẩn, định mức, dự toán được duyệt.

2. Khái niệm về Ngân sách Nhà nước:

Một số khái niệm về Ngân sách Nhà nước:

- Theo từ điển bách khoa toàn thư về kinh tế của Pháp cho rằng: Ngân sách là một văn kiện được Nghị viện hoặc Hội đồng thảo luận và phê chuẩn mà trong đó các nghiệp vụ tài chính (thu, chi) của một tổ chức công (Nhà nước, Chính quyền địa phương) hoặc tư (Doanh nghiệp, Hiệp hội) được dự kiến và cho phép.

- Quan niệm của Bộ tài chính Pháp: Ngân sách Nhà nước là văn kiện trong đó các khoản thu và các khoản chi hàng năm của Nhà nước được dự kiến và cho phép là toàn bộ các tài khoản phản ánh tất cả các nguồn thu và tất cả các nhiệm vụ chi của Nhà nước trong một năm dân sự là toàn bộ các tài khoản phản ánh hạn mức kinh phí của một Bộ trong năm dân sự.

-Theo đại từ điển kinh tế thị trường của Trung quốc Ngân sách Nhà nước là kế hoạch thu chi hàng năm của Nhà nước được xét duyệt theo trình tự pháp định.

-Theo từ điển bách khoa toàn thư của Nga Ngân sách Nhà nước là bảng liệt kê các khoản thu chi bằng tiền của Nhà nước được lập ra cho một thời gian nhất định.

- Theo luật Ngân sách Nhà nước Việt Nam số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002. Ngân sách Nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước trong dự toán đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để đảm bảo thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước.

Như vậy, hầu hết các Nước điều quan niệm Ngân sách Nhà nước là một kế hoạch hoặc dự toán thu chi của Nhà nước trong một thời gian nhất định thường là một năm.

Như vậy, Ngân sách Nhà nước có đặc trưng là:

-Dự toán hay kế hoạch thu chi bằng tiền phải được cấp có thẩm quyền thảo luận và quyết định theo một trình tự pháp định và có giá trị pháp quy.

-Ngân sách thường tồn tại trong một khoảng thời gian nhất định thường là một năm.

Hai đặc trưng trên là cơ sở để xác định khái niệm về Ngân sách Nhà nước.

3. Bản chất của Ngân sách Nhà nước:

Khi bàn về bản chất Ngân sách Nhà nước, có một số ý kiến cho rằng: Ngân sách Nhà nước là “Kế hoạch tài chính cơ bản của Nhà nước” là “Quỹ tiền tệ tập trung lớn nhất của Nhà nước” là “Bộ phận chủ đạo trong hệ thống tài chính”.

Cách nhìn nhận như trên về Ngân sách Nhà nước chưa thật đầy đủ cả về mặt xác định khái niệm và về mặt tìm hiểu nội dung bản chất của Ngân sách Nhà nước.

Đối với Ngân sách Nhà nước, chúng ta thấy rằng các hiện tượng biểu hiện của nó rất đa dạng, phong phú nhưng cũng rất rời rạc. Đó là bảng tổng hợp các khoản thu và các khoản chi của Nhà nước, là mức động viên các nguồn tài chính vào tay Nhà nước, là các khoản cấp phát của Nhà nước cho các nhu cầu tiêu dùng và đầu tư. Bên cạnh đó, cũng không thể phủ nhận là hoạt động của Ngân sách Nhà nước không hề mang tính chất tự phát hoặc nằm ngoài sự kiểm soát của Nhà nước. Ngược lại khi phân tích các hiện tượng chúng ta thấy rằng chúng luôn luôn bị ràng buộc bởi những nội dung bên trong hết sức chặt chẽ, cụ thể là:

-Các khoản thu của Ngân sách Nhà nước (thuế) phần lớn đều mang tính chất bắt buộc còn các khoản chi lại mang tính chất cấp phát. Đây là một nội dung rất quan trọng có vai trò quyết định sự tồn tại của Ngân sách Nhà nước. Nội dung này xuất phát từ quyền lực của Nhà nước và nhu cầu về tài chính để thực hiện chức năng quản lý điều hành kinh tế, xã hội của Nhà nước.

- Bất kỳ một Nhà nước nào cũng có quyền lập pháp, do nhu cầu chi tiêu của mình, Nhà nước sử dụng quyền đó để quy định hệ thống pháp luật tài

chính và thuế khóa bắt mọi pháp nhân và thể nhân phải nộp một phần thu nhập của mình cho Nhà nước với tư cách là một chủ thể thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Tất nhiên tính cưỡng bức của các khoản thu Ngân sách không hề mang ý nghĩa tiêu cực bởi lẽ đây là sự cần thiết. Đối với mọi đối tượng nộp thuế đều ý thức được đó là quyền và nghĩa vụ của mình trong việc đảm bảo sự tồn tại và phát triển của Nhà nước, của Quốc gia. Nhà nước muốn có nguồn thu ổn định, vững chắc và để thực hiện được các chính sách kinh tế xã hội của mình, đương nhiên phải tiến hành bằng phương pháp cưỡng chế của luật pháp. Điều này làm sáng tỏ vấn đề bản chất giai cấp Nhà nước đã quyết định bản chất của thuế.

Điều đó chứng tỏ sự tồn tại và vai trò của Nhà nước chính là một trong những yếu tố quyết định tính chất hoạt động của Ngân sách Nhà nước.

- Mọi hoạt động của Ngân sách Nhà nước đều là hoạt động phân phối các nguồn tài chính nên nó thể hiện các mối quan hệ trong phân phối. Đó là quan hệ giữa một bên là Nhà nước một bên là xã hội.

- Việc coi Ngân sách Nhà nước là hoạt động phân phối, thể hiện các mối quan hệ trong phân phối có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình nhận thức về bản chất của Ngân sách Nhà nước.

- Trong quá trình phân phối, vấn đề cần được giải quyết giữa các đối tượng tham gia, các chủ thể chính là vấn đề về lợi ích kinh tế. Vì vậy, quan hệ giữa Nhà nước và xã hội qua Ngân sách Nhà nước cũng chính là quan hệ kinh tế.

Thật vậy, việc phân phối các nguồn tài chính để hình thành nguồn thu của Nhà nước, dù thực hiện dưới hình thức nào thực chất cũng là quá trình giải quyết quyền lợi kinh tế giữa Nhà nước và xã hội. Với kết quả phân phối đó nguồn tài chính được chia làm hai phần: một phần nộp vào Ngân sách Nhà nước và một phần để lại cho các thành viên của xã hội. Phần nộp vào Ngân sách Nhà nước sẽ tiếp tục phân phối lại thể hiện qua các khoản cấp phát từ Ngân sách cho các mục đích tiêu dùng và đầu tư phát triển.

Cơ sở để tạo ra các nguồn tài chính là sản xuất mà chủ thể chính là các thành viên của xã hội. Mọi thành viên đều có lợi ích kinh tế của mình và đấu tranh bảo vệ lợi ích đó. Nghĩa là Nhà nước không thể dựa vào quyền lực để huy động đóng góp với bất kỳ giá nào. Quyền lực đó phải có giới hạn, phải giải quyết hài hòa lợi ích kinh tế và xã hội. Chính vì vậy, việc khẳng định Ngân sách Nhà nước thể hiện các quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và xã hội có ý nghĩa rất quan trọng, không chỉ đơn thuần về mặt lý luận mà còn thật sự cần thiết trong quá trình quản lý và điều hành Ngân sách Nhà nước. Nó đòi hỏi Ngân sách Nhà nước phải có chính sách Ngân sách đúng đắn, tôn trọng các quy luật kinh tế khách quan, không được coi thường lợi ích của xã hội để huy động một cách tùy tiện các nguồn thu nhập của các thành viên trong xã hội. Đồng thời mọi khoản chi tiêu của Nhà nước phải được tính toán thận trọng, thể hiện tính tiết kiệm hiệu quả và công bằng xã hội.

Từ sự phân tích trên thì bản chất của Ngân sách Nhà nước là hệ thống các mối quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và xã hội phát sinh trong quá trình

Nhà nước huy động và sử dụng các nguồn tài chính, nhằm đảm bảo yêu cầu thực hiện các chức năng quản lý điều hành nền kinh tế xã hội của mình.

Từ đó chúng ta thấy rõ chức năng của Ngân sách Nhà nước là:

+Huy động nguồn tài chính và đảm bảo các nhu cầu chi tiêu theo dự toán của Nhà nước.

+Thực hiện cân đối giữa các khoản thu và các khoản chi bằng tiền của Nhà nước.

Do bản chất và chức năng của Ngân sách Nhà nước được thể hiện như trên đòi hỏi phải có một bộ phận quản lý quỹ Ngân sách Nhà nước. Bộ phận đó được chính phủ ta thành lập với tên gọi là Kho bạc Nhà nước (Nước ngoài gọi là Ngân khố Quốc gia). Việc hình thành của hệ thống Kho bạc Nhà nước là một bước trong quá trình củng cố và tăng cường hiệu lực quản lý tài chính của Nhà nước, là phù hợp với chức năng nhiệm vụ và tính chất hợp lý của hệ thống quản lý tài chính Nhà nước.

II.Vai trò của Ngân sách nhà nước trong nền kinh tế xã hội.

Được xác định trên cơ sở các chức năng và các nhiệm vụ cụ thể của nó trong từng giai đoạn. Với quan điểm đó có thể khẳng định vai trò của Ngân sách Nhà nước trong giai đoạn hiện nay như sau:

- Ngân sách Nhà nước là công cụ huy động nguồn lực tài chính đảm bảo các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước: vai trò này gắn với lịch sử ra đời của Ngân sách khác nhau ở mức độ động viên vào Ngân sách, hình thức huy động, phạm vi huy động.

- Ngân sách Nhà nước có vai trò là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế xã hội, vai trò này rất quan trọng bởi lẽ nền kinh tế thị trường có khuyết điểm cần Nhà nước can thiệp, Nhà nước dùng luật pháp tạo hành lang pháp lý cho các chủ thể kinh tế hoạt động.

Vai trò của Ngân sách Nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, thị trường như sau:

1. Về mặt kinh tế:

Sự cần thiết phải có Nhà nước can thiệp để khắc phục những khuyết tật của cơ chế thị trường. Đó là vai trò của Nhà nước trong việc định hướng hình thành cơ cấu kinh tế mới, kích thích phát triển sản xuất kinh doanh và chống độc quyền. Rõ ràng, Nhà nước không thể bỏ qua công cụ Ngân sách khi thực hiện vai trò này, Ngân sách Nhà nước cung cấp nguồn kinh phí để Nhà nước đầu tư cho cơ sở kết cấu hạ tầng, hình thành các doanh nghiệp thuộc các ngành then chốt để trên cơ sở đó tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho sự ra đời và phát triển của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Mặt khác, việc sử dụng công cụ Ngân sách thông qua các nguồn hình thành của nó cũng có ý nghĩa rất lớn. Bởi lẽ các khoản thuế và chính sách thuế sẽ đảm bảo thực hiện vai trò định hướng đầu tư, kích thích hoặc hạn chế kinh doanh.

2. Về mặt xã hội:

Kinh phí của Ngân sách Nhà nước cấp phát cho tất cả các lĩnh vực điều chỉnh của Nhà nước. Đồng thời khối lượng và kết quả quản lý và sử dụng

nguồn kinh phí này cũng quyết định mức độ thành công của chính sách xã hội.

Mặt khác, trong việc giải quyết các vấn đề xã hội Nhà nước cũng sử dụng công cụ thuế để điều chỉnh. Thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp có vai trò quan trọng nhằm điều tiết thu nhập cao để phân phối lại cho các đối tượng có thu nhập thấp...

3. Về mặt thị trường:

Ngân sách Nhà nước có vai trò quan trọng đối với việc thực hiện các chính sách về ổn định giá cả thị trường và chống lạm phát. Bằng công cụ thuế và các chính sách chi Ngân sách, Nhà nước có thể điều chỉnh được giá cả thị trường một cách chủ động. Mối quan hệ giữa giá cả, thuế, dự trữ Nhà nước có ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình thị trường, cả 3 yếu tố này không tách rời hoạt động của Ngân sách Nhà nước. Việc chống lạm phát là nội dung quan trọng trong quá trình điều chỉnh thị trường, Ngân sách Nhà nước kiểm chế lạm phát thông qua các công cụ thuế phí, lệ phí và các khoản vay.

III. Phân cấp quản lý Ngân sách

1. Hệ thống Ngân sách Nhà nước:

Ngân sách Nhà nước nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là một hệ thống thống nhất, bao gồm: ngân sách Trung ương và ngân sách các cấp chính quyền địa phương.

Mỗi cấp ngân sách được phân định cụ thể nguồn thu, nhiệm vụ chi của mỗi cấp ngân sách được quy định theo Luật ngân sách Nhà nước, Nghị định 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước.

Ổn định tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu và số bổ sung của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới từ 3 - 5 năm, thời gian cụ thể của từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quyết định khi giao dự toán ngân sách Nhà nước năm đầu của thời kỳ ổn định.

Dự toán ngân sách Nhà nước được lập và quyết định chi tiết nguồn thu, nhiệm vụ chi của từng đơn vị cơ sở và theo đúng mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành. Đối với các khoản thu nhập ngân sách Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam của từng đơn vị được giữ lại một phần để chi cho các mục tiêu theo chế độ và các khoản thu được sử dụng để chi cho các mục tiêu đã được xác định cũng phải lập dự toán đầy đủ và được cấp có thẩm quyền duyệt.

Việc điều chỉnh dự toán ngân sách được thực hiện theo thẩm quyền, quy trình quy định tại Nghị định 60/2003/NĐ-CP và theo nguyên tắc cấp nào quyết định thì cấp đó điều chỉnh.

Các tổ chức, cá nhân, kể cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài đang hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nghĩa vụ nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Cơ quan thu (Thuế, Hải quan, Tài chính và các cơ quan khác phải được cho phép hoặc được Bộ Tài chính ủy quyền) phối hợp với Kho bạc Nhà nước

tổ chức quản lý, tập trung nguồn thu ngân sách phải kịp thời vào quỹ ngân sách Nhà nước.

Tất cả các khoản chi ngân sách Nhà nước phải được kiểm tra, kiểm soát trước, trong và sau quá trình cấp phát thanh toán. Các khoản chi phải có trong dự toán ngân sách Nhà nước có thẩm quyền quy định và được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách chuẩn chi. Người chuẩn chi chịu trách nhiệm về quyết định của mình, nếu chi sai phải bồi hoàn cho công quỹ.

Mọi khoản thu, chi ngân sách Nhà nước đều phải được hạch toán bằng đồng Việt Nam theo đúng niên độ ngân sách và mục lục ngân sách. Các khoản thu, chi ngân sách Nhà nước bằng ngoại tệ, hiện vật, ngày công lao động được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ngoại tệ hoặc giá hiện vật, ngày công lao động do cơ quan có thẩm quyền quy định để hạch toán thu ngân sách Nhà nước tại thời điểm phát sinh đúng niên độ ngân sách.

Các tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ thu nộp ngân sách Nhà nước, sử dụng ngân sách Nhà nước phải tổ chức hạch toán kế toán, báo cáo và quyết toán việc thu nộp ngân sách hoặc việc sử dụng kinh phí theo đúng quy định của chế độ kế toán Nhà nước.

2. Phân định thu chi giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương:

Phân định thu giữa các cấp ngân sách là việc phân chia các khoản thu các cấp ngân sách

Nguyên tắc phân định thu:

- Phải đảm bảo tập trung vào bộ phận thu nhập ngân sách các cấp.
- Phải đảm bảo cho mỗi cấp ngân sách có nguồn thu ổn định từ đó mỗi cấp ngân sách có thể chủ động khai thác và sử dụng nguồn thu
- Đảm bảo đều hòa nguồn thu giữa các cấp ngân sách từ đó giúp cho các cấp ngân sách cân đối được ngân sách.

- Thu Ngân sách Trung ương gồm:

- + Các khoản thu ngân sách Trung ương hưởng 100%
- + Các khoản thu theo tỷ lệ % giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.

- Chi Ngân sách Trung ương gồm:

- + Chi đầu tư phát triển;
- + Chi thường xuyên;
- + Chi trả nợ gốc và lãi các khoản tiền do chính phủ vay;
- + Chi viện trợ;
- + Chi cho vay theo quy định của pháp luật;
- + Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính;
- + Chi bổ sung ngân sách địa phương;

- Thu Ngân sách địa phương gồm:

- + Các khoản thu Ngân sách địa phương hưởng 100%
- + Các khoản thu theo tỷ lệ % giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.
- + Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương

- + Thu từ huy động đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng
- Chi Ngân sách địa phương gồm:
 - + Chi đầu tư phát triển
 - + Chi thường xuyên
 - + Chi trả nợ gốc và lãi các khoản tiền hoạt động cho đầu tư
 - + Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính
 - + Chi bổ sung ngân sách cấp dưới.

IV. Kho Bạc Nhà nước và vai trò của Kho Bạc Nhà nước trong quản lý quỹ NSNN.

Việc chuyển sự quản lý từ Ngân hàng Nhà nước về Bộ tài chính của Kho bạc Nhà nước đánh dấu một bước đổi mới trong hệ thống đổi mới Tài chính - Tín dụng và Kho bạc Nhà nước ngày nay được tiếp nhận với tư cách là một chủ thể độc lập tương đối của xã hội. Với sự độc lập tương đối có được, Kho bạc Nhà nước đã và sẽ phát huy tốt hơn các chức năng vốn có của mình để thể hiện qua các vai trò sau đây:

- Quản lý các nguồn vốn Tài chính Nhà nước (quỹ Ngân sách Nhà nước)

Việc quản lý quỹ tài chính của Kho bạc nói chung cũng như việc quản lý quỹ Ngân sách Nhà nước nói riêng là chức năng quan trọng nhất của Kho bạc, chức năng này thể hiện khi Kho bạc Nhà nước tham gia quá trình kế hoạch hóa Ngân sách Nhà nước từ khâu chuẩn bị đến khâu lập chấp hành và quyết toán Ngân sách Nhà nước. Tổ chức thu chi và quản lý quỹ Ngân sách Nhà nước phải phản ánh đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước và được xử lý chung theo cân đối Ngân sách Nhà nước đảm bảo thu đúng, thu đủ các khoản thu theo luật định, thực hiện nghiêm chỉnh tỉ lệ điều tiết Ngân sách Nhà nước và quỹ Ngân sách từng cấp cũng được quản lý theo chế độ phân cấp hiện hành.

- Vai trò Ngân hàng chính phủ:

Với vai trò là Ngân hàng đặc biệt của chính phủ, Kho bạc Nhà nước đứng ra huy động vốn cho Ngân sách Nhà nước dưới hình thức phát hành tín phiếu, trái phiếu Kho bạc để bù đắp bội chi Ngân sách và để đầu tư phát triển.

Kho bạc Nhà nước tổ chức mở tài khoản và thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt cho các đối tượng theo quy định. Ngoài ra việc phát hành tín phiếu, trái phiếu không chỉ nhằm bù đắp thiếu hụt Ngân sách và đầu tư phát triển mà còn có tác dụng điều hòa lượng tiền mặt trong lưu thông góp phần ổn định tiền tệ.

- Vai trò tổng kế toán Quốc gia:

Để thực hiện tốt chức năng điều hành và quản lý quỹ Ngân sách Nhà nước, hệ thống Kho bạc phải tiến hành phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ tình hình biến động của các quỹ Ngân sách Nhà nước theo chế độ kế toán hiện hành. Quá trình tổng kết kế toán Quốc gia giúp Kho bạc và cơ quan Tài chính nắm được tình hình thực tế của các quỹ Tài chính, tài sản Quốc gia về mặt hiện vật lẫn giá trị, tình hình công nợ của Nhà nước, các khoản chưa thanh

toán và đến hạn thanh toán về nợ gốc lẫn lãi định kỳ. Căn cứ vào các số liệu thực tế kế toán Kho bạc tiến hành lập các báo cáo kế toán như: Báo cáo tiền mặt, báo cáo thu chi Ngân sách, báo cáo các khoản phải thu, phải trả, báo cáo phát hành tín phiếu, trái phiếu, tiến hành phân tích các số liệu kế toán đánh giá tình hình Tài chính Quốc gia.

Trong điều kiện kinh tế mở, Kho bạc Nhà nước còn có vai trò trung gian làm “Cầu nối” về mặt Tài chính như là một định chế trung gian liên kết chặt chẽ với hệ thống Ngân hàng và các tổ chức tiền tệ thực hiện nhiều hoạt động đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế của đất nước.

CHƯƠNG II

TÌNH HÌNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ QUỸ NGÂN SÁCH TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRÀ VINH TRÊN ĐỊA BÀN TRONG THỜI GIAN QUA

I. Đặc điểm kinh tế - chính trị - xã hội của Tỉnh Trà Vinh

1. Vị trí địa lý

Tỉnh Trà Vinh được tái lập năm 1992 trên cơ sở phân chia địa giới hành chính từ tỉnh Cửu Long cũ, cách trung tâm TP. Hồ Chí Minh khoảng 200 km đường bộ và nằm trên tuyến vận tải hàng hải quốc tế qua cửa Định an.

- Phía Đông nam giáp biển Đông.
- Phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Long,
- Phía Nam giáp tỉnh Sóc Trăng,
- Phía Bắc giáp tỉnh Bến Tre,

Trà Vinh là một tỉnh nằm phía hạ lưu giữa hai dòng sông Tiền và sông Hậu với diện tích tự nhiên 2.240,24 km², đây là vùng đất được hình thành trong quá trình lấn biển của châu thổ sông Cửu Long. Với 65 km bờ biển tạo nên thế mạnh cho việc phát triển du lịch, vận tải đường thủy, đánh bắt và nuôi trồng, khai thác thủy, hải sản. Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô, nhiệt độ trung bình hàng năm từ 26°C đến 27°C, lượng mưa trung bình hàng năm là khoảng 1400 mm - 1622 mm, mùa khô độ ẩm ổn định từ 84% đến 86%, thuận lợi cho ngành trồng trọt và chăn nuôi. Sản phẩm hàng hoá chính của tỉnh bao gồm: lúa, rau, cây công nghiệp, cây ăn trái, gia súc và nuôi trồng thủy sản. Phát triển nông nghiệp là cơ sở để thúc đẩy nền công nghiệp chế biến của tỉnh phát triển. Hiện nay, tỉnh đang đầu tư xây dựng 13 cụm phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tại tỉnh và các huyện với quy mô diện tích 275,73 ha.

Hệ thống giao thông liên lạc có nhiều thay đổi, 100% khóm ấp có mạng lưới điện thoại, bình quân 14,41 người dân/ 1 máy điện thoại. 100% liên xã, huyện có đường giao thông, 70% hộ dân sử dụng điện lưới và nước sạch quốc gia. Với 3 quốc lộ chính là quốc lộ 53 nối với quốc lộ 1A, quốc lộ 54 và quốc lộ 60 nối liền giữa các huyện được đầu tư xây dựng và nâng cấp hàng năm thuận lợi nhiều cho việc lưu thông. Tuyến sông Cổ chiên, sông Bassac là hai tuyến đường thủy có thể tiếp nhận tàu quốc tế có tải trọng trên dưới 3.000 DWT, ngoài ra còn có các nhánh sông, kênh rạch thuận lợi cho việc phát triển ngành giao thông đường thủy.

Ngoài điều kiện tự nhiên, tỉnh còn có lợi thế về nguồn nhân lực với dân số khoảng 1.028 ngàn người, trong đó có 60% trong độ tuổi lao động. Tỉnh đã liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu khoa học mở các lớp đại học, trường Cao đẳng, trường dạy nghề, trường Trung học Y tế, Cao đẳng Sư phạm, trung tâm tin học ngoại ngữ. Hàng năm có trên 2000 sinh viên tốt nghiệp và đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề phục vụ cho yêu cầu phát

triển kinh tế của tỉnh. Ngoài ra, tỉnh còn thực hiện nhiều chính sách đãi ngộ hợp lý khuyến khích người tình nguyện về công tác.

Tỉnh đã ban hành những cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư vào các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi đồng bộ, bố trí sản xuất phù hợp với quy hoạch các tiểu vùng, phát triển các loại cây công nghiệp ngắn ngày có giá trị kinh tế cao để xuất khẩu và làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Có nhiều chính sách ưu tiên về vốn để khuyến khích kinh tế trang trại phát triển, thực hiện các chương trình trồng và khôi phục rừng ven biển, chương trình phát triển và nuôi trồng thủy sản, đánh bắt xa bờ, xây dựng Cảng cá Láng Chim, bến cá Định An, áp dụng công nghệ sinh học để sản xuất các loại giống thủy, hải sản, đổi mới thiết bị hiện đại theo công nghệ mới.

Dân số toàn tỉnh theo kết quả tổng điều tra dân số là 1.028 ngàn người, trong đó dân tộc Kinh 702.706 chiếm 69%, dân tộc Khmer là 305.573 người chiếm 30%, người Hoa và các dân tộc khác 10.006 người chiếm 1%.

2. Cơ cấu kinh tế Địa phương

Cơ cấu kinh tế trong năm 2007 có tỷ trọng như sau:

- + Sản xuất Nông-Lâm-Ngư Nghiệp 56,57%
- + Sản xuất công nghiệp và xây dựng chiếm 18,25%
- + Dịch vụ chiếm 26,25%

Về mật độ dân cư toàn tỉnh khoảng 459 người/ km², riêng thị xã Trà Vinh là trung tâm tỉnh lỵ nên mật độ dân cư khá đông khoảng 1.333 người/ km².

Về hệ thống giao thông Trà Vinh có cả giao thông thủy bộ, thuận lợi cho việc giao lưu và vận chuyển hàng hoá, nhất là giao thông đường thủy thường chiếm trên 75% lượng hàng hoá vận chuyển.

Về kinh tế, kể từ khi tách tỉnh với một nền kinh tế nghèo nàn, hạ tầng cơ sở yếu kém, trước tình hình đó Đảng bộ tỉnh Trà Vinh đã tập trung toàn lực, vừa phát huy nội lực của mình, vừa tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương, qua mười lăm năm đã đạt được nhiều thành tích đáng kể, với mức tăng GDP thường xuyên hàng năm trên dưới 10%, nguồn thu Ngân sách Nhà nước.

3. Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm

Về tình hình năm 2007 tuy vẫn còn không ít khó khăn như khí hậu, thời tiết phức tạp, nắng hạn kéo dài, triều cường lớn, sâu bệnh phá hoại ... ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp ở nhiều địa phương, bên cạnh đó giá cả thị trường trong và ngoài nước không ổn định ... đã làm cho sản xuất, lưu thông, hàng hoá nhất là khâu xuất nhập khẩu hết sức khó khăn. Tuy nhiên dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Trà Vinh, với sự phấn đấu của các ngành các cấp và nhân dân lao động trong tỉnh đã vượt qua khó khăn, trở ngại hoàn thành thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, cụ thể một số lĩnh vực chủ yếu sau:

Giá trị sản xuất: thực hiện năm 2007 :17.143 tỷ đồng so với năm 2006: 15.568 tỷ đồng tăng 10,11%.

Trong đó :

+ Nông- Lâm –Ngư nghiệp: 9.437 tỷ đồng so năm 2006 :8.920 tỷ đồng tăng 5,8%.

+ Công nghiệp, xây dựng: 3.736 tỷ đồng so năm 2006: 3.695 tỷ đồng tăng 1,1%

+ Dịch vụ: 3.970 tỷ đồng so năm 2006: 2.953 tăng 34,43%.

Giá trị GDP: thực hiện là 9.301 tỷ đồng so năm 2006: 8.100 tỷ đồng tăng 14,83%.

Trong đó:

+ Nông- Lâm –Ngư nghiệp: 5.270 tỷ đồng so năm 2006:4.795 tỷ đồng tăng 9,91%.

+ Công nghiệp, xây dựng: 1.634 tỷ đồng so năm 2006: 1.310 tỷ đồng tăng 24,73%

+ Dịch vụ: 2.396 tỷ đồng so năm 2006: 1.994 tỷ đồng tăng 20,16%.

Từ tình hình trên nhận thấy rằng mặc dù còn nhiều khó khăn, nhiều vấn đề cần phải sắp xếp, chấn chỉnh trong thời gian tới, song đối với nguồn thu từ khu vực kinh tế quốc doanh vẫn đóng vai trò chủ đạo và hết sức quan trọng trong nguồn thu Ngân sách Nhà nước cũng như trong nền kinh tế.

II.Giới thiệu vài nét về Kho Bạc Nhà Nước Trà Vinh

1.Nhiệm vụ của KBNN Trà Vinh:

- Quản lý quỹ ngân sách gồm một số nhiệm vụ sau:

+ Thực hiện thu - chi ngân sách theo lệnh của cơ quan Tài chính đòi hỏi Kho bạc phải tổ chức thu và kiểm soát quá trình thu nộp, thực hiện chi tiêu quỹ ngân sách cùng với quá trình kiểm tra, theo dõi các khoản chi tiêu đó.

+ Thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

+ Thực hiện điều hòa tiền mặt trong nội bộ hệ thống nhằm phục vụ cho nhu cầu chi tiêu của ngân sách.

+ Tham gia cùng cơ quan Tài chính, Thuế trong việc lập kế hoạch thu-chi ngân sách, cung cấp các số liệu cần thiết để cơ quan tài chính lập báo cáo quyết toán thu-chi ngân sách.

- Quản lý quỹ dự trữ gồm một số nội dung sau:

+ Trực tiếp bảo quản hoặc ủy nhiệm cho Ngân hàng Nhà nước bảo quản các hộ các khoản dự trữ bằng tiền, vàng, bạc, kim khí, đá quý...

+ Thực hiện việc xuất nhập các tài sản theo lệnh của các cơ quan có thẩm quyền.

+ Xây dựng nội dung, quy chế để bảo quản tốt tài sản, tổ chức công tác hạch toán nhằm theo dõi về mặt hiện vật lẫn giá trị các tài sản dự trữ.

+ Quản lý các tài sản tạm thu, tạm giữ: Đây là các tài sản do các cơ quan Nhà nước tạm thu, tạm giữ và gửi tại Kho bạc. Nhiệm vụ của Kho bạc là bảo quản an toàn tiền, tài sản, tổ chức công tác kế toán phản ánh toàn bộ giá trị tài sản và tình hình thu-chi theo lệnh của các cơ quan có thẩm quyền.

- Tổ chức công tác tín dụng Nhà nước:

+ Công tác huy động vốn: (vay dân và trả nợ dân)

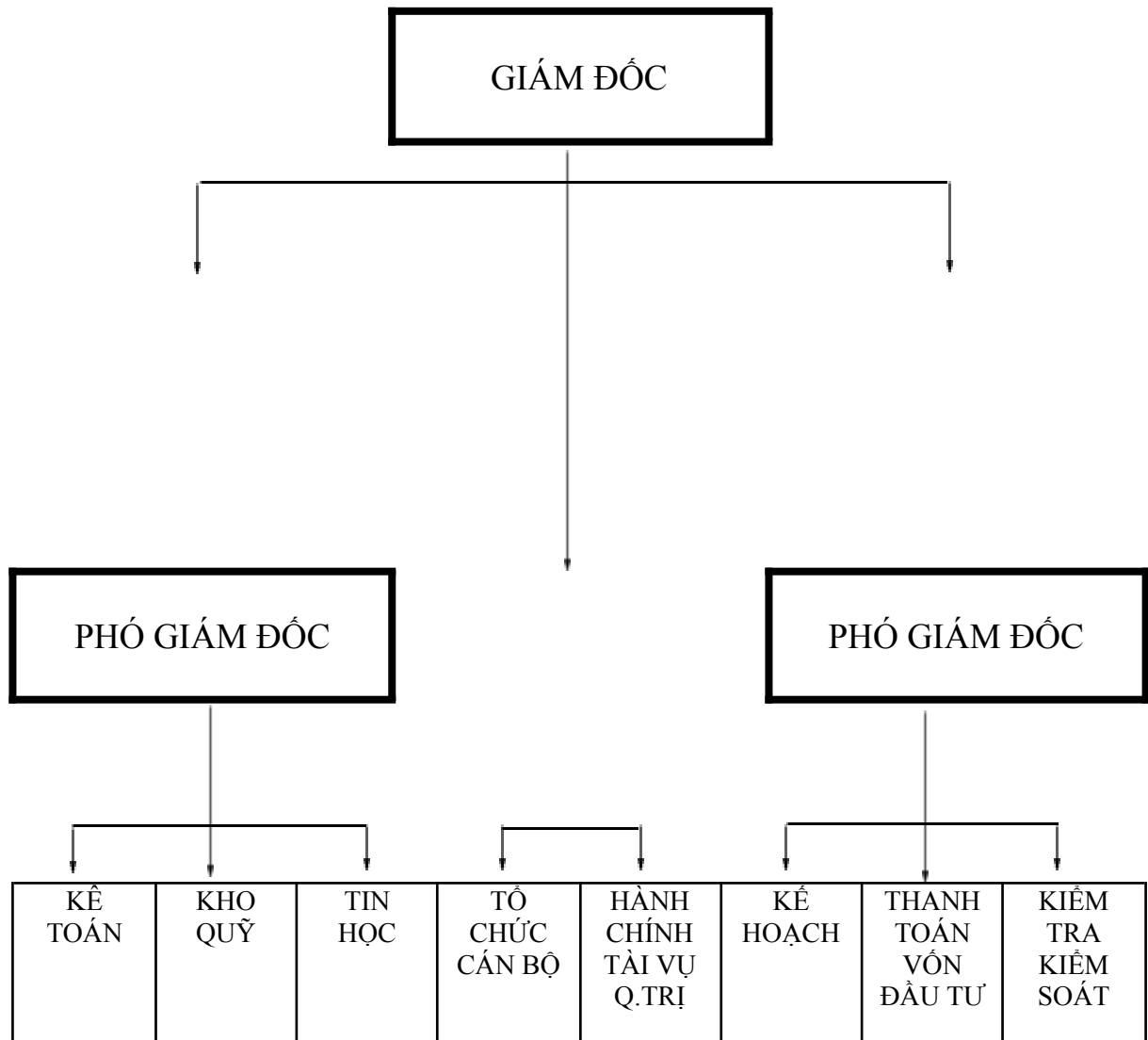
Vay dân: dưới hình thức phát hành công trái xây dựng Tổ quốc và phát hành tín phiếu, trái phiếu Kho bạc.

Trả nợ dân: chi trả công trái đến hạn và thanh toán trái phiếu, tín phiếu đến hạn.

- Các nhiệm vụ khác:

+ Thực hiện công tác kế toán và quyết toán Ngân sách Nhà nước

2. Tổ chức bộ máy của Kho Bạc Nhà Tỉnh Trà Vinh:



Đặc điểm của Kho bạc Nhà nước Trà Vinh:

- Thuận lợi:

+ Ban lãnh đạo Kho bạc Nhà nước Trà Vinh gồm 01 Giám đốc, 02 phó giám đốc giúp việc nhiều kinh nghiệm lâu năm trong ngành Ngân hàng, Tài chính có năng lực tổ chức và điều hành công việc.

+ Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các cán bộ công chức đã quen việc, xử lý thành thạo các khâu kiểm soát và luân chuyển chứng từ, tiếp thu nhanh các nghiệp vụ mới phát sinh của ngành, có ý thức chấp hành nội quy kỷ luật, quy định của cơ quan và của ngành đề ra.

+ Các nghiệp vụ chuyên môn của ngành như kiểm soát các khoản thu-chi NSNN, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, tín dụng...., báo cáo đều được xử lý bằng các ứng dụng tin học của ngành hoặc của nội bộ phù hợp với yêu cầu và đặc điểm quản lý của mình. Do đó, thông tin số liệu được cập nhật chính xác, kịp thời và đầy đủ.

- Khó khăn:

Do đặc điểm khi thành lập chủ yếu cán bộ chuyển từ Ngân hàng và Tài chính sau đó tuyển thêm số cán bộ mới từ các trường Đại học chuyên ngành Kinh tế, Tài chính, một số cán bộ ở trình độ trung cấp được ban lãnh đạo tạo điều kiện cho học tiếp bậc đại học, do đó trình độ nghiệp vụ không đồng đều, thời gian công việc bị gián đoạn do đi học ít nhiều ảnh hưởng đến nhiệm vụ chuyên môn được giao.

Trình độ văn hóa, chuyên môn, tuổi nghề, tuổi đời của cán bộ công nhân viên Kho bạc Nhà nước Trà Vinh:

CHỈ TIÊU	Số CBCC (người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số CBCC	144	
<i>1.Trình độ nghiệp vụ</i>		
-Đại học	74	51%
-Đang học Đại Học	13	9%
-Trung học	30	21%
-Chưa đào tạo	27	19%
<i>2.Tuổi nghề</i>		
-Từ 1-5 năm	26	18%
-Từ 6-10 năm	11	8%
-Trên 10 năm	107	74%
<i>3.Tuổi đời</i>		
-Từ 18-30	19	13%
-Từ 31-50	109	76%
-Từ 51-60	16	11%
<i>4.Giới tính</i>		
-Nam	78	54%
-Nữ	66	46%

Qua bảng phân tích trên của cán bộ nhân viên Kho bạc Nhà nước Trà Vinh cho ta thấy:

-Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Cán bộ Kho bạc Nhà nước Trà Vinh tốt nghiệp đại học và đang học Đại học chiếm tỷ lệ đạt 60%, cán bộ đã học qua trung cấp chuyên môn chiếm tỷ lệ 21% trong tổng số cán bộ công chức, cán bộ chưa qua đào tạo chủ yếu là kiểm ngân, bảo vệ và tạp vụ chỉ chiếm tỷ lệ 19 %.

-Tuổi nghề: Có đội ngũ cán bộ, nhiều kinh nghiệm, thời gian làm việc từ 6 năm trở lên chiếm tỷ lệ khá cao trên 80%, ngoài ra có một số cán bộ trẻ mới tuyển dụng, năng động có trình độ nghiệp vụ.

-Tuổi đời: Cán bộ có tuổi đời cao chiếm hơn 76% phần lớn là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các phòng có nhiều kinh nghiệm trong công tác chuyên môn, thành thạo công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Nhìn chung về cơ cấu tổ chức bộ máy ngành Kho bạc Nhà nước Trà Vinh đã được củng cố ổn định theo QĐ số 210/QĐ-BTC ngày 16/12/2003 của Bộ Trưởng Bộ tài chính, nhất là bộ máy Văn Phòng KBNN Trà Vinh đã được củng cố cơ bản, đảm bảo phù hợp với quy trình quản lý quỹ Ngân sách Nhà nước, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

III. Kết quả thực hiện công tác quản lý quỹ Ngân sách nhà nước trên địa bàn Tỉnh Trà Vinh trong thời gian qua.

1.Đánh giá kết quả thu ngân sách nhà nước năm 2005- 2007

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002 của Quốc hội và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định nhiệm vụ Kho bạc Nhà nước trong việc quản lý các nguồn thu:

- Tập trung các khoản thu ngân sách nhà nước và phân chia các khoản thu cho ngân sách các cấp theo đúng tỷ lệ phần trăm phân chia được cấp có thẩm quyền quyết định đối với từng khoản thu.

- Tổng hợp, lập báo cáo thu ngân sách nhà nước gửi cơ quan tài chính và các cơ quan hữu quan theo chế độ quy định.

- Phối hợp kiểm tra và đối chiếu số liệu thu ngân sách nhà nước với các cơ quan thu bảo đảm chính xác, đầy đủ kịp thời, xác nhận số liệu thu ngân sách nhà nước theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Thực hiện hoàn trả các khoản thu ngân sách nhà nước theo lệnh của cơ quan tài chính

- Kho bạc nhà nước nơi đối tượng nộp mở tài khoản có trách nhiệm trích tài khoản tiền gửi của đối tượng nộp theo yêu cầu (bằng văn bản) của cơ quan thu để nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ.

Đánh giá kết quả thực hiện thu Ngân sách Nhà nước năm 2005-2007:

SỐ LIỆU THU NGÂN SÁCH NĂM 2005

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	% TH so KH	Tỷ trọng
A-Thu NSNN trên địa bàn	329.910	421.510	127,76	100
1.DNNN Trung ương	24.480	20.468	83,61	4,87
2.DNNN Địa phương	11.400	12.965	113,73	3,09
3.DN có vốn Đầu tư nước ngoài	830	560	67,47	0,13
4.Xổ số kiến thiết	115.000	135.059	117,44	32,04
5.Thuế công thương nghiệp	102.000	112.909	110,70	26,79

6.Thuế thu nhập	13.500	13.161	97,48	3,12
7.Thuế sử dụng đất nông nghiệp		51		0,01
8.Thuế chuyển QSD đất	4.200	5.004	119,14	1,19
9.Thuế chuyển giao QSD đất	5.000	16.653	333,06	3,95
10.Thuế nhà đất	1.400	1.771	126,50	0,42
11.Tiền thuê đất	500	448	89,60	0,10
12.Phí xăng dầu	12.100	9.500	78,51	2,25
13.Lệ phí trước bạ	11.500	11.721	101,92	2,78
14.Thu phí-lệ phí	13.000	19.670	151,31	4,67
15.Thu khác	15.000	61.570	410,47	14,60
B-Thu kết dư ngân sách		148.251		
C-Thu bổ sung NS cấp trên	548.354	688.191	125,50	
Tổng cộng	878.264	1.257.952	143,23	

SỐ LIỆU THU NGÂN SÁCH NĂM 2006

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	% TH so KH	Tỷ trọng
A-Thu NSNN trên địa bàn	397.000	437.334	110,15	100
1.DNNN Trung ương	24.500	24.246	98,97	5,54
2.DNNN Địa phương	9.000	15.297	169,97	3,50
3.DN có vốn Đầu tư nước ngoài	1.000	521	52,1	0,12
4.Xổ số kiến thiết	139.000	160.097	115,18	36,60
5.Thuế công thương nghiệp	123.000	131.792	107,14	30,13
6.Thuế thu nhập	17.500	12.032	68,75	2,75
7.Thuế sử dụng đất nông nghiệp		36		0,008
8.Thuế chuyển QSD đất	4.500	8.122	180,49	1,86
9.Thuế chuyển giao QSD đất	24.000	15.110	62,69	3,46
10.Thuế nhà đất	1.800	2.275	126,39	0,52
11.Tiền thuê đất	600	373	62,17	0,09
12.Phí xăng dầu	12.500	10.233	81,86	2,34

13.Lệ phí trước bạ	13.500	15.801	117,04	3,61
14.Thu phí-lệ phí	16.000	23.876	149,23	5,46
15.Thu khác	10.100	17.523	173,50	4
B-Thu kết dư ngân sách		139.446		
C-Thu bổ sung NS cấp trên	676.868	786.686	116,22	
Tổng cộng	1.073.868	1.363.466	126,97	

SỐ LIỆU THU NGÂN SÁCH NĂM 2007

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH	Tỷ trọng
A-Thu NSNN trên địa bàn	495.000	515.425	104,12	100
1.DNNN Trung ương	24.000	22.000	91,67	4,27
2.DNNN Địa phương	15.500	16.500	106,45	3,20
3.DN có vốn Đầu tư nước ngoài	700	700	100	0,13
4.Xổ số kiến thiết	176.500	181.200	102,66	35,15
5.Thuế công thương nghiệp	165.000	167.000	101,21	32,40
6.Thuế thu nhập	17.500	18.000	102,85	3,49
7.Thuế sử dụng đất nông nghiệp		25		0,004
8.Thuế chuyển QSD đất	8.000	9.500	118,75	1,84
9.Thuế chuyển giao QSD đất	20.000	22.000	110	4,27
10.Thuế nhà đất	2.000	2.500	125	0,48
11.Tiền thuê đất	700	700	100	0,13
12.Phí xăng dầu	13.000	16.500	126,92	3,20
13.Lệ phí trước bạ	19.000	21.000	110,52	4,07
14.Thu phí-lệ phí	14.000	18.000	128,57	3,49
15.Thu khác	19.100	19.800	103,66	3,84
B-Thu kết dư ngân sách		142.500		
C-Thu bổ sung NS cấp trên	973.476	1.168.836	120,06	

Tổng cộng	1.468.476	1.826.761	124,40	
------------------	------------------	------------------	---------------	--

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU SO SÁNH SỐ THU NGÂN SÁCH
TRÊN ĐỊA BÀN QUA 3 NĂM**

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	2005		2006		2007	
	KH	TH	KH	TH	KH	TH
A-Thu NSNN trên địa bàn	329.910	421.510	397.000	437.334	495.000	515.425
1.DNNN Trung ương	24.480	20.468	24.500	24.246	24.000	22.000
2.DNNN Địa phương	11.400	12.965	9.000	15.297	15.500	16.500
3.DN có vốn Đầu tư nước ngoài	830	560	1.000	521	700	700
4.Xổ số kiến thiết	115.000	135.059	139.000	160.097	176.500	181.200
5.Thuế công thương nghiệp	102.000	112.909	123.000	131.792	165.000	167.000
6.Thuế thu nhập	13.500	13.161	17.500	12.032	17.500	18.000
7.Thuế sử dụng đất nông nghiệp		51		36		25
8.Thuế chuyển QSD đất	4.200	5.004	4.500	8.122	8.000	9.500
9.Thuế chuyển giao QSD đất	5.000	16.653	24.000	15.110	20.000	22.000
10.Thuế nhà đất	1.400	1.771	1.800	2.275	2.000	2.500
11.Tiền thuê đất	500	448	600	373	700	700
12.Phí xăng dầu	12.100	9.500	12.500	10.233	13.000	16.500
13.Lệ phí trước bạ	11.500	11.721	13.500	15.801	19.000	21.000
14.Thu phí-lệ phí	13.000	19.670	16.000	23.876	14.000	18.000
15.Thu khác	15.000	61.570	10.100	17.523	19.100	19.800
B-Thu kết dư ngân sách		148.251		139.446		142.500
C-Thu bổ sung NS cấp trên	548.354	688.191	676.868	786.686	973.476	1.168.836
Tổng cộng	878.264	1.257.952	1.073.868	1.363.466	1.468.476	1.826.761

Qua bảng số liệu trên cho thấy số thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh qua các năm đều tăng số thu năm sau cao hơn năm trước và hoàn thành tốt nhiệm vụ thu theo kế hoạch chỉ tiêu giao.

Trong cơ cấu tổng nguồn thu Ngân sách nhà nước gồm những nguồn thu chủ yếu như:

+ Nguồn thu từ Doanh nghiệp Nhà nước Trung ương số thực hiện năm 2005 là 20.468 triệu đồng đạt 83,61% so với kế hoạch chỉ tiêu giao, năm 2006 có số thu đạt 24.246 triệu đồng tăng hơn số thu năm 2005 là 3.778 triệu đồng tăng 18,46% nhưng so với kế hoạch chỉ tiêu giao trong năm thì không đạt chỉ chiếm 98,97%, năm 2007 số thu là 22.000 triệu đồng so với kế hoạch chỉ đạt 91,67%, giảm so với số thu năm 2006 là 2.246 triệu đồng giảm 9,26% . Nguyên nhân do số thu năm 2007 chỉ tính đến 31/12/2007.

+ Nguồn thu từ Doanh nghiệp Nhà nước địa phương số thu thực hiện qua các năm đạt kế hoạch chỉ tiêu giao, như năm 2006 số thu cao hơn năm trước là 2.332 triệu đồng tăng 18,%; số thu năm 2007 cao hơn năm 2006 là 1.203 triệu đồng tăng 7,86%. Các doanh nghiệp trên địa bàn hiện nay đang tiến hành thực hiện cổ phần hóa do đó phải thực hiện miễn, giảm thuế nên nguồn thu này có xu hướng giảm dần.

+ Nguồn thu từ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài số thu này chiếm tỷ trọng tương đối ít trong tổng nguồn thu vì trên địa bàn Tỉnh Trà Vinh có vị trí địa lý không thuận tiện nên các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn hạn chế và nguồn thu này có xu hướng giảm dần, như số thu năm 2006 thấp hơn năm trước 39 triệu đồng, số thu năm 2007 có cao hơn so với năm 2006 nhưng không đáng kể 179 triệu đồng.

+ Nguồn thu từ Xổ số kiến thiết đây là nguồn thu chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng thu Ngân sách Nhà nước điều này cho thấy cơ cấu nguồn thu ngân sách của Tỉnh chủ yếu là nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, nguồn thu này có xu hướng tăng dần và ổn định qua các năm và đều đạt chỉ tiêu kế hoạch giao, qua bảng số liệu cho thấy năm 2005 số thu thực hiện 135.059 triệu đồng so với kế hoạch 115.000 triệu đồng đạt 117,44%; số thu năm 2006: 160.097 triệu đồng cao hơn số thu năm 2005 là 25.038 triệu đồng tăng 18,54%; số thu năm 2007: 181.200 triệu đồng so với kế hoạch 176.500 triệu đồng đạt 102,66% và tăng cao hơn năm 2006 là 21.103 triệu đồng.

+ Nguồn thu từ thuế Công thương nghiệp đây là nguồn thu lớn thứ 2 sau nguồn thu từ xổ số kiến thiết chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong cơ cấu tổng nguồn thu ngân sách Tỉnh. Qua bảng số liệu trên ta thấy nguồn thu này đều đạt chỉ tiêu kế hoạch giao hàng năm, năm 2005 thu đạt 112.909 triệu đồng so với kế hoạch giao 102.000 triệu đồng vượt 10,7%, năm 2006 thu được 131.792 triệu đồng cao so với số thu năm 2005 là 18.883 triệu đồng tăng 16,72%; số thu năm 2007: 167.000 triệu đồng so với năm 2006 thu cao hơn 35.208 triệu đồng. Nguồn thu từ thuế công thương nghiệp từ năm 2005 đến năm 2007 ta thấy hàng năm đều tăng trên 19.000 triệu đồng điều này cho thấy khả năng khai thác nguồn thu này trên địa bàn Tỉnh thực hiện tốt, nguồn thu này có tốc độ tăng cao chủ yếu từ các hộ kinh doanh thủy sản chuyển lên thành doanh nghiệp nên có số thuế giá trị gia tăng kê khai tăng.

+ Thuế thu nhập trên địa bàn có số thu biến động tăng giảm qua các năm và không đạt chỉ tiêu kế hoạch giao, nguồn thu này chủ yếu thu từ các cá nhân trúng thưởng từ hoạt động xổ số kiến thiết và một số ít từ các doanh

ng nghiệp nhà nước Trung ương. Năm 2005 thu 13.161 triệu đồng so với kế hoạch 13.500 triệu đồng không đạt chỉ chiếm 97,48%; năm 2006 thu 12.032 triệu đồng so với kế hoạch 17.500 triệu đồng chỉ đạt 68,75%, giảm so với năm 2005 1.129 triệu đồng. Riêng năm 2007 là năm có số thu đạt chỉ tiêu kế hoạch giao số thu là 18.000 triệu đồng so với kế hoạch 17.500 đạt 102,85% việc này cho thấy khi lập kế hoạch giao chỉ tiêu đã sát với tình hình thực tế của địa phương.

+ Thuế sử dụng đất nông nghiệp chiếm tỷ trọng rất thấp trong tổng thu ngân sách Nhà nước và số thu có xu hướng giảm dần vì do có chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp: năm 2005 thu được 51 triệu đồng, năm 2006 thu 36 triệu đồng giảm 15 triệu đồng; năm 2007 thu 25 triệu giảm 11 triệu so với năm 2006, giảm 26 triệu đồng so với năm 2005.

+ Thuế chuyển quyền sử dụng đất có số thu biến động rõ nhất và tăng nhiều ở năm 2006 do tình hình chung là biến động đất đai nên có nhiều hộ chuyển nhượng quyền sử dụng đất: năm 2006 là 8.122 triệu đồng so với năm 2005: 5.004 triệu đồng tăng 3.118 triệu đồng và số thu năm 2007: 9.500 triệu đồng tăng 1.378 triệu đồng so với năm 2006, số thu qua các năm đều đạt chỉ tiêu giao.

+ Nguồn thu từ thuế chuyển giao quyền sử dụng đất nguồn thu này vượt so với kế hoạch giao ở 2 năm 2005 và 2007: năm 2005 kế hoạch 5.000 triệu đồng thu được 16.653 triệu đạt 333,06%; năm 2007 kế hoạch 20.000 triệu đồng thu được 22.000 triệu đồng đạt 110%; riêng năm 2006 kế hoạch giao quá cao 24.000 triệu nhưng thu chỉ được 15.110 triệu đồng đạt 62,69%. Nguyên nhân chủ yếu do có thay đổi chủ trương và cách tính thuế.

+ Thuế nhà đất đây là số thu ổn định và có xu hướng tăng dần qua các năm, các nguồn thu này đều đạt và thu vượt kế hoạch chỉ tiêu giao: năm 2005 thu được 1.771 triệu đồng so với kế hoạch 1.400 triệu đồng đạt 126,50%; năm 2006 thu được 2.275 triệu đồng so với kế hoạch 1.800 triệu đồng đạt 126,39% tăng 504 triệu đồng so với năm 2005; năm 2007 thu được 2.500 triệu đồng so với kế hoạch 2.000 triệu đồng đạt 125,% và tăng 225 triệu đồng so với năm 2006. Qua bảng số liệu trên cho thấy thuế nhà đất hàng năm đều tăng do Tỉnh Trà Vinh mới phát triển là trung tâm kinh tế xã hội nên tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng.

+ Nguồn thu từ tiền thuê đất nguồn thu này chiếm tỷ trọng ít trong tổng thu ngân sách nhà nước, số thu 2 năm 2005-2006 không đạt chỉ tiêu kế hoạch giao do diện tích đất thuê chưa chính xác, các đơn vị chờ làm hợp đồng thuê đất nên chưa nộp đủ số tiền theo thông báo của cơ quan thuế: năm 2005 thu được 448 triệu đồng so với kế hoạch 500 triệu đồng chỉ đạt 89,60%; năm 2006 thu được 373 triệu đồng so với kế hoạch 600 triệu đồng chỉ đạt 62,17%, Riêng năm 2007 thu 700 triệu đồng so với kế hoạch 700 triệu đồng đạt 100%, tăng so với năm 2005 là 252 triệu đồng và năm 2006 là 327 triệu đồng.

+ Nguồn thu từ phí xăng dầu qua bảng số liệu trên cho thấy trong năm 2005 và 2006 nguồn thu này đều không đạt chỉ tiêu giao do tình hình tiêu thụ xăng dầu trên địa bàn có nhiều biến động, nguồn thu này chỉ phát sinh ở công ty xăng dầu Trà Vinh và công tác lập kế hoạch giao chỉ tiêu chưa sát với thực

tế: số thu năm 2005: 9.500 triệu đồng so với kế hoạch 12.100 triệu đồng chỉ đạt 78,51%; năm 2006 thu được 10.233 triệu đồng so với kế hoạch 12.500 triệu đồng đạt 81,86%. Riêng năm 2007 thu 16.500 triệu đồng so với kế hoạch đạt 126,92%, đồng thời tăng so với năm 2005 là 7.000 triệu đồng và năm 2006 là 6.267 triệu đồng.

+ Nguồn thu từ lệ phí trước bạ có số thu đạt kế hoạch chỉ tiêu giao hàng năm, nguồn thu này chủ yếu thu từ các giao dịch mua bán, hóa giá nhà, đất... năm 2005 thu 11.721 triệu đồng so với kế hoạch 11.500 triệu đồng đạt 101,92%; năm 2006 thu 15.801 triệu đồng so với kế hoạch 13.500 triệu đồng đạt 117,04%; năm 2007 thu 21.000 triệu đồng so với kế hoạch 19.000 triệu đồng đạt 110,52%.

+ Thu phí lệ phí nguồn thu này phát sinh nhiều ở xã phường thị trấn và một số đơn vị hành chính khác, số thu đều đạt chỉ tiêu giao hàng năm năm 2005 thu 19.670 triệu đồng so với kế hoạch 13.000 triệu đồng đạt 151,31%; năm 2006 thu 23.876 triệu đồng so với kế hoạch 16.000 triệu đồng đạt 149,23%; năm 2007 thu 18.000 triệu đồng so với kế hoạch 14.000 triệu đồng đạt 128,57%.

+ Thu khác (thu tiền bán nhà, KHCB nhà, thu tại xã...) nguồn thu này chủ yếu từ bán nhà thuộc quỹ nhà đất của nhà nước nguồn thu này có xu hướng giảm nguyên nhân chủ yếu là do quỹ nhà giảm dần và một số yếu tố khách quan khác ảnh hưởng chung của biến động thị trường bất động sản năm 2005 thu được 61.570 triệu đồng so với kế hoạch 15.000 triệu đồng đạt 410,47%; thu năm 2006 thu được 17.523 triệu đồng so với kế hoạch 10.100 triệu đồng đạt 173,50%, giảm so với năm 2005 là 44.047 triệu đồng; năm 2007 thu 19.800 triệu đồng so với so với kế hoạch 19.100 đạt 103,66% số thu này có tăng so với năm 2006 có tăng 2.277 triệu đồng nhưng số tăng không đáng kể.

+ Thu bổ sung ngân sách đều tăng dần qua các năm: năm 2006 thu 786.686 triệu đồng so với năm 2005 thu 688.191 triệu đồng tăng 98.495 triệu đồng; năm 2007 thu 1.168.836 triệu đồng so với năm 2006 tăng 382.150 triệu đồng. Điều này cho thấy nguồn thu trên địa bàn Tỉnh không đủ bù chi cho bộ máy quản lý hành chính, khả năng khai thác các nguồn thu có hạn.

Qua bảng số liệu 3 năm liên tục 2005-2007 nguồn thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn Tỉnh Trà Vinh, ta thấy có những ưu khuyết điểm sau:

* Ưu điểm:

+ Mọi khoản thu Ngân sách Nhà nước bằng tiền mặt hoặc bằng chuyển khoản đều được tập trung và phản ánh trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước.

+ Đảm bảo điều tiết số thu của Ngân sách Nhà nước cho các cấp Ngân sách theo đúng quy định, điện báo, báo cáo kịp thời về Kho bạc Nhà nước cấp trên và các cơ quan hữu quan.

+ Có trách nhiệm rõ ràng giữa các cơ quan Thuế và Kho bạc Nhà nước trong việc xác định, kiểm tra đơn đốc và thu nộp các khoản thuế theo luật định.

+ Kiểm tra, kiểm soát từng khoản thu, từng đối tượng nộp đảm bảo tập trung ngay vào Ngân sách.

+ Kho bạc cùng với ngành Thuế tổ chức bố trí thời gian thu nộp thuận lợi cho người nộp.

* Khuyết điểm:

+ Do chịu ảnh hưởng chung của tình hình kinh tế trong nước, tình trạng chiếm dụng vốn vẫn còn mặc dù cơ quan thuế đã đưa ra một số biện pháp ngăn chặn. Vì vậy, có một số nguồn thu không đạt so với kế hoạch đề ra. Sở dĩ chưa đạt được chỉ tiêu pháp lệnh giao là do tình hình thất thu thuế còn phổ biến, nợ thuế còn tồn đọng ở hộ kinh doanh lớn làm ảnh hưởng đến cân đối ngân sách.

+ Việc triển khai thu thuế trực tiếp qua Kho bạc chưa rộng, việc thực hiện thuế chưa nghiêm, tình trạng không cân bằng xã hội của thuế còn phổ biến.

Tóm lại:

Thu ngân sách nhà nước qua các năm 2005 đến năm 2007 cho thấy cơ cấu nguồn thu Ngân sách nhà nước và xu hướng phát triển nguồn thu của tỉnh chưa thật vững chắc chủ yếu dựa vào nguồn thu xổ số kiến thiết, trong khi đó nguồn thu từ hoạt động của nền kinh tế là cơ sở vững chắc cho thu ngân sách nhà nước nhưng chưa mạnh, nhất là thu từ các doanh nghiệp có xu hướng giảm, thu từ khu vực ngoài quốc doanh tuy chiếm tỷ trọng khá nhưng vẫn thấp hơn thu từ xổ số kiến thiết. Nguồn thu của tỉnh chưa đủ bù chi do đó trong tổng thu cho thấy thu từ trợ cấp ngân sách cấp trên tăng dần qua các năm, năm sau luôn cao hơn năm trước, do thay đổi chính sách tiền lương trong giai đoạn này đã làm ảnh hưởng thiếu hụt rất lớn về các khoản chi lương cho toàn địa bàn tỉnh. Nguyên nhân chủ yếu là do nền kinh tế của Tỉnh đi lên từ xuất phát điểm quá thấp, điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý của tỉnh không thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó yếu tố chi phí vận chuyển chiếm tỷ trọng cao hơn so với các tỉnh cùng trong khu vực, trình độ chuyên môn, kỹ thuật của lao động cũng như trình độ quản lý còn thấp, chưa tương xứng với tốc độ phát triển chung của đất nước.

2.Đánh giá kết quả chi NSNN năm 2005-2007

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002 của Quốc hội và Nghị định số 60/2003/ND9-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định nhiệm vụ Kho bạc Nhà nước trong việc kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước:

-Kiểm tra, kiểm soát các khoản chi ngân sách nhà nước, bảo đảm các khoản chi có đầy đủ các điều kiện chi theo quy định.

-Thực hiện kiểm soát, thanh toán trực tiếp các khoản chi ngân sách nhà nước cho đơn vị, người cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

-Tổ chức hạch toán, kế toán các khoản chi ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

-Thông kê, báo cáo tình hình chi ngân sách nhà nước cho cơ quan có thẩm quyền, Kho bạc nhà nước cấp trên theo chế độ thông kê, báo cáo do Bộ tài chính và Kho bạc nhà nước Trung ương quy định.

-Đối chiếu, xác nhận số thực chi ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách hàng, tháng, quý năm.

-Thực hiện thu hồi giảm chi ngân sách nhà nước theo quyết định của cơ quan tài chính hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền...

*** Đánh giá kết quả thực hiện Chi Ngân sách Nhà nước năm 2005-2007:**

SỐ LIỆU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2005

Đơn vị: triệu đồng

Nội Dung	Chi Ngân Sách địa phương			
	Dự toán	Thực hiện	% TH/DT	Tỷ trọng
A. Chi Cân đối Ngân sách	881.333	1.213.185	137,65	100
1. Chi Đầu tư phát triển	294.053	402.877	137,01	33,21
2. Chi trả nợ gốc, lãi huy động đầu tư		32.149		2,65
3. Chi thường xuyên	536.004	634.248	118,33	52,28
- Chi SNKT	51.232	63.855	124,64	5,26
- Chi GD đào tạo	243.932	268.849	110,21	22,16
- Chi y tế	46.949	51.532	109,76	4,25
- Chi KHCNMT	6.535	4.407	67,44	0,36
- Chi VH TT	10.446	11.681	111,82	0,96
- Chi Phát thanh, truyền hình	5.495	6.734	122,55	0,56
- Chi TDTT	3.501	4.259	121,65	0,35
- Chi đảm bảo XH	37.837	41.413	109,45	3,41
- Chi quản lý HC	107.360	152.880	142,40	12,60
- Chi an ninh QP	11.754	12.845	109,28	1,06
- Chi Chương trình mục tiêu DSKHHGD	3.481	3.399	97,64	0,28
- Chi trợ giá hàng chính sách	4.262	2.855	66,99	0,23
- Chi khác Ngân sách	3.220	9.539	296,24	0,79
4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	800	800	100	0,07
5. Chi chuyển nguồn		143.111		11,79
6. Dự phòng ngân sách	21.763			
7. Chi cải cách tiền lương	28.713			
B. Các khoản chi từ nguồn thu để lại		72.176		
C. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	198.952	318.891	160,29	
1. Bổ sung cân đối		236.469		
2. Bổ sung có mục tiêu		82.422		
D. Tổng cộng (A + B+C)	1.080.285	1.604.252	148,05	

SỐ LIỆU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2006

Đơn vị: triệu đồng

Nội Dung	Chi Ngân Sách địa phương			
	Dự toán	Thực hiện	% TH/DT	Tỷ trọng
A. Chi Cân đối Ngân sách	1.067.698	1.417.477	133,16	100
1. Chi Đầu tư phát triển	359.470	312.602	86,96	22,05
2. Chi trả nợ gốc, lãi huy động đầu tư		69.893		4,93
3. Chi thường xuyên	641.299	804.524	125,45	56,76
- Chi SNKT	58.007	71.157	122,67	5,01
- Chi GD đào tạo	297.751	357.864	120,19	25,25
- Chi y tế	57.699	71.663	124,20	5,06
- Chi KHCNMT	8.422	8.038	95,44	0,57
- Chi VH TT	12.062	13.050	108,19	0,92
- Chi Phát thanh, truyền hình	8.438	7.006	83,03	0,49
- Chi TDTT	3.798	3.487	91,81	0,25
- Chi đảm bảo XH	49.807	45.510	91,37	3,21
- Chi quản lý HC	120.858	179.445	148,48	12,66
- Chi an ninh QP	12.801	27.487	214,73	1,94
- Chi Chương trình mục tiêu DSKHHGD	4.017	3.603	89,70	0,25
- Chi trợ giá hàng chính sách	4.419	3.938	89,12	0,28
- Chi khác Ngân sách	3.220	12.276	381,24	0,87
4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	800	800	100	0,06
5. Chi chuyển nguồn		229.658		16,20
6. Dự phòng ngân sách	23.370			
7. Chi cải cách tiền lương	42.759			
B. Các khoản chi từ nguồn thu để lại		82.851		
C. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	250.531	423.199	168,92	
1. Bổ sung cân đối		373.362		
2. Bổ sung có mục tiêu		49.837		
D. Tổng cộng (A + B+C)	1.318.229	1.923.527	145,91	

SỐ LIỆU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2007

Đơn vị: triệu đồng

Nội Dung	Chi Ngân Sách địa phương			
	Dự toán	Thực hiện	% TH/ DT	Tỷ trọng
A. Chi Cân đối Ngân sách	1.307.196	2.036.165	155,77	100
1. Chi Đầu tư phát triển	<u>365.488</u>	<u>567.549</u>	<u>155,29</u>	<u>27,87</u>
2. Chi trả nợ gốc, lãi huy động đầu tư		<u>55.330</u>		<u>2,72</u>
3. Chi thường xuyên	<u>874.169</u>	<u>1.104.477</u>	<u>126,35</u>	<u>54,24</u>
- Chi SNKT	82.613	110.967	134,32	5,45
- Chi GD đào tạo	436.048	545.821	125,17	26,81
- Chi y tế	122.417	149.125	121,82	7,32
- Chi KHCNMT	8.521	10.123	118,80	0,50
- Chi VH TT	14.879	15.900	106,86	0,78
- Chi Phát thanh, truyền hình	9.754	10.775	110,47	0,53
- Chi TDTT	4.932	5.403	109,55	0,27
- Chi đảm bảo XH	18.609	22.766	122,34	1,12
- Chi quản lý HC	147.227	195.208	132,60	9,60
- Chi an ninh QP	16.871	20.660	122,46	1,01
- Chi Chương trình mục tiêu DSKHHGD	4.429	5.379	121,45	0,26
- Chi trợ giá hàng chính sách	4.754	4.250	89,40	0,21
- Chi khác Ngân sách	3.115	8.100	260,03	0,40
4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	<u>1.000</u>	<u>1.000</u>	<u>100</u>	<u>0,05</u>
5. Chi chuyển nguồn		<u>307.800</u>		<u>15,12</u>
6. Dự phòng ngân sách	<u>30.262</u>			
7. Chi cải cách tiền lương	<u>36.277</u>			
B. Các khoản chi từ nguồn thu để lại		112.176		
C. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	347.526	490.495	141,14	
1. Bổ sung cân đối		400.250		
2. Bổ sung có mục tiêu		90.245		
D. Tổng cộng (A + B+C)	1.654.722	2.638.827	159,47	

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU SO SÁNH SỐ CHI NGÂN SÁCH
TRÊN ĐỊA BÀN QUA 3 NĂM**

Đơn vị: triệu đồng

Nội Dung	Chi Ngân Sách địa phương					
	2005		2006		2007	
	Dự toán	Thực hiện	Dự toán	Thực hiện	Dự toán	Thực hiện
A. Chi Cân đối Ngân sách	881.333	1.213.185	1.067.698	1.417.477	1.307.196	2.036.165
1. Chi Đầu tư phát triển	294.053	402.877	359.470	312.602	365.488	567.549
2. Chi trả nợ gốc, lãi huy động đầu tư		32.149		69.893		55.330
3. Chi thường xuyên	536.004	634.248	641.299	804.524	874.169	1.104.477
- Chi SNKT	51.232	63.855	58.007	71.157	82.613	110.967
- Chi GD đào tạo	243.932	268.849	297.751	357.864	436.048	545.821
- Chi y tế	46.949	51.532	57.699	71.663	122.417	149.125
- Chi KHCNMT	6.535	4.407	8.422	8.038	8.521	10.123
- Chi VH TT	10.446	11.681	12.062	13.050	14.879	15.900
- Chi Phát thanh, truyền hình	5.495	6.734	8.438	7.006	9.754	10.775
- Chi TDTT	3.501	4.259	3.798	3.487	4.932	5.403
- Chi đảm bảo XH	37.837	41.413	49.807	45.510	18.609	22.766
- Chi quản lý HC	107.360	152.880	120.858	179.445	147.227	195.208
- Chi an ninh QP	11.754	12.845	12.801	27.487	16.871	20.660
- Chi Chương trình mục tiêu DSKHHGD	3.481	3.399	4.017	3.603	4.429	5.379
- Chi trợ giá hàng chính sách	4.262	2.855	4.419	3.938	4.754	4.250
- Chi khác Ngân sách	3.220	9.539	3.220	12.276	3.115	8.100
4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	800	800	800	800	1.000	1.000
5. Chi chuyển nguồn		143.111		229.658		307.800
6. Dự phòng ngân sách	21.763		23.370		30.262	
7. Chi cải cách tiền lương từ 10% TK	28.713		42.759		36.277	
B. Các khoản chi từ nguồn thu để lại		72.176		82.851		112.176
C. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	198.952	318.891	250.531	423.199	347.526	490.495
1. Bổ sung cân đối		236.469		373.362		400.250
2. Bổ sung có mục tiêu		82.422		49.837		90.245
D. Tổng cộng (A + B + C)	1.080.285	1.604.252	1.318.229	1.923.527	1.654.722	2.638.827

Qua bảng tổng hợp số liệu chi ngân sách 3 năm liên tiếp 2005-2007 cho thấy số thực hiện chi cân đối ngân sách nhà nước hàng năm đều chi vượt cao hơn dự toán. Trong tổng chi cân đối ngân sách gồm những nội dung chi chủ yếu sau:

1- Chi đầu tư phát triển là một trong những nội dung chi được Tỉnh quan tâm chú trọng vì Tỉnh Trà Vinh được tách ra từ Tỉnh Cửu Long củ nên cơ sở vật chất, kiến trúc, đường xá cần phải đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng... số chi này chiếm tỷ trọng khá cao: năm 2005 tổng số chi 402.877 triệu đồng so với dự toán 294.053 triệu đồng đạt tỷ lệ 137,01%; năm 2006 số chi 312.602 triệu đồng so với dự toán 359.470 triệu đồng đạt tỷ lệ 86,96%, số chi này thấp hơn năm 2005 là 90.275 triệu đồng, nguyên nhân chủ yếu là do các công trình kéo dài nhiều năm trước và số phát sinh tập trung thanh toán

vào năm 2005; năm 2007 tổng số chi 567.549 triệu đồng so với dự toán 365.488 triệu đồng đạt tỷ lệ 155,29% tăng nhiều hơn so với số chi năm 2006 là 254.947 triệu đồng hay tăng 81,56%.

2- Chi trả gốc, lãi huy động đầu tư hàng năm đều có phát sinh chủ yếu số chi này do Tỉnh không tập trung kịp thời các nguồn thu, nên ứng vốn nhân rồi của Kho bạc... để đảm bảo chi cho hoạt động: năm 2005 chi trả 32.149 triệu đồng, năm 2006 chi 69.893 triệu đồng cao hơn so với năm 2005 37.744 triệu đồng và năm 2007 chi 55.330 triệu đồng.

3- Chi thường xuyên là khoản chi chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi cân đối ngân sách Tỉnh, đây là nội dung chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ thường xuyên về quản lý kinh tế-xã hội của nhà nước và trong cân đối ngân sách, chi thường xuyên được đảm bảo từ nguồn thu mang tính chất thường xuyên như thuế, phí và lệ phí.... Chi thường xuyên gồm những nội dung chi chủ yếu sau:

- + Chi sự nghiệp kinh tế khoản chi này chi cho sự nghiệp Nông-Lâm-Ngư nghiệp, sự nghiệp địa chất, thủy lợi, thủy văn, kiến thiết thị chính, giao thông..Năm 2005 chi 63.855 triệu đồng so với dự toán 51.232 triệu đồng vượt 24,64%; năm 2006 chi 71.157 triệu đồng so với dự toán 58.007 triệu đồng vượt 22,67; năm 2007 chi 110.967 triệu đồng so với dự toán 82.613 triệu đồng vượt 34,32%.

- + Chi giáo dục đào tạo là khoản chi nhằm bảo đảm hoạt động của sự nghiệp giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học nội dung chi gồm chi cho sự nghiệp giáo dục trước khi đến trường, chi đào tạo huấn luyện cán bộ, chi đào tạo sau và trên đại học, chi nghiên cứu sinh.... Năm 2005 đã thực chi 236.454268.849 triệu đồng so với dự toán 243.932 triệu đồng vượt dự toán 10,21%; năm 2006 thực chi 357.864 triệu đồng so với dự toán vượt 20,67%, tăng 89,015 triệu đồng; năm 2007 chi 545.821 triệu đồng tăng so với năm 2006 là 187.957 triệu đồng. Đây là số chi lớn nhất trong tổng chi kinh phí thường xuyên hàng năm, năm sau luôn cao hơn năm trước cho thấy chủ trương của Tỉnh là ưu tiên hàng đầu cho giáo dục đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, tạo nguồn nhân lực cho Tỉnh nhà trong tương lai.

- + Chi y tế là khoản chi nhằm phục vụ các biện pháp và chính sách bảo vệ sức khỏe cho người dân, chi cho công tác phòng bệnh như tiêm vacxin, chế biến vacxin, chi chữa bệnh như chi cho mạng lưới y tế từ tỉnh xuống tới địa phương, chi công tác bài trừ bệnh xã hội, chi cho hoạt động sinh đẻ có kế hoạch, chi cho sự nghiệp nghiên cứu khoa học về y tế. Trong các khoản chi cho sự nghiệp y tế thì chi cho bệnh viện chiếm tỷ trọng lớn vì: Bệnh viện là trung tâm bộ mặt của ngành y tế, sử dụng phần lớn kinh phí thuộc sự nghiệp y tế, mạng lưới bệnh viện, trạm xá đa dạng và rộng khắp các nơi từ Tỉnh xuống tới Huyện, xã..., tất cả các nghiệp vụ y tế đều tập trung trong bệnh viện. Năm 2005 đã thực chi 51.532 triệu đồng so với dự toán 46.949 triệu đồng đạt tỷ lệ 109,76%; năm 2006 thực chi 71.663 triệu đồng so với dự toán 57.699 triệu đồng vượt 22,67% hay tăng so với 2005 là 20.131 triệu đồng; năm 2007 thực chi 149.125 triệu đồng so với dự toán vượt 21,82% và tăng so với năm 2006 77.462 triệu đồng.

+ Chi về khoa học công nghệ môi trường số chi này tương đối cao cho thấy Tỉnh đã tập trung đầu tư nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật vào các lĩnh vực mũi nhọn về sản xuất Công - Nông - Lâm - Ngư nghiệp, 2 năm 2005 và 2006 chi thấp hơn dự toán và số chi tập trung ở năm 2007: 10.123 triệu đồng so với năm 2005 tăng 2.085 triệu đồng, nguồn chi này vượt dự toán là do nguồn kinh phí các năm trước được phép chuyển sang năm sau.

+ Chi Văn Hoá Thông Tin là khoản chi nhằm bảo đảm hoạt động cho lĩnh vực này nội dung chi gồm chi cho thông tin tuyên truyền, xây dựng cơ sở vật và đào tạo sự văn hóa nghệ thuật. . . Năm 2005 đã chi 11.681 triệu đồng so với dự toán 10.446 triệu đồng vượt dự toán 11,82%; năm 2006 thực chi 13.050 triệu đồng so với dự toán vượt 8,19% tăng 1.369 triệu đồng; năm 2007 chi 15.900 triệu đồng tăng so với năm 2006 tăng 1.850 triệu đồng.

+ Chi phát thanh truyền hình gồm chi mua sắm sửa chữa các phương tiện thu phát hình, chi cho phóng viên, biên soạn tin tức và các tiết mục hoạt động. Số chi này chiếm tỷ trọng khá cao trong cơ cấu chi trong cân đối ngân sách, năm sau chi cao hơn năm trước, năm 2006 chi 7.006 triệu đồng so với năm 2005 chi 6.734 triệu đồng tăng 272 triệu đồng; năm 2007 chi 10.775 triệu đồng tăng so với năm 2006 tăng 3.769 triệu đồng, số chi tăng hàng năm do Tỉnh đầu tư mua sắm, thay thế máy móc cũ, lạc hậu..

+ Chi thể dục thể thao khoản chi này chủ yếu chi cho quản lý sân vận động, câu lạc bộ, bể bơi, bồi dưỡng vận động viên, tổ chức các buổi thao diễn, thi đấu nhưng số vượt là không lớn lắm. Năm 2005 chi 4.259 triệu đồng so với dự toán 3.501 triệu đồng vượt 21,65%, số chi năm 2006 là 3.487 triệu đồng so với dự toán 3.798 chỉ đạt 91,37% ; năm 2007 chi 5.403 triệu đồng so với dự toán 4.932 vượt 9,55%.

+ Chi đảm bảo xã hội khoản chi này chi ưu đãi cho gia đình chính sách, thương binh, gia đình liệt sĩ, quân nhân phục viên, chi trợ cấp nhà trẻ, chi các trại xã hội, chi cứu tế xã hội thiên tai, lũ lụt. Năm 2006 chi 45.510 triệu đồng so với năm 2005 41.413 triệu đồng tăng 4.097 triệu đồng, năm 2007 chi 22.766 triệu đồng giảm so với năm 2006 là 22.744 triệu đồng.

+ Chi quản lý hành chính khoản chi này nhằm đảm bảo hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính nội dung chi gồm cho cho hoạt động quyền lực của cơ quan nhà nước, cơ quan chính quyền nhà nước (ủy ban nhân dân các cấp), các cơ quan luật pháp, các cơ quan quản lý kinh tế-văn hóa-xã hội, chi hoạt động chính trị ngoại giao, chi bầu cử, điều tra dân số. Đặc điểm của chi quản lý hành chính là mang tính chất phi sản xuất. Năm 2005 đã thực chi 152.880 triệu đồng so với dự toán 107.360 triệu đồng đạt tỷ lệ 142,40%; năm 2006 chi 179.445 triệu đồng cao hơn năm 2005 26.565 triệu đồng; năm 2007 chi 195.208 triệu đồng cao hơn năm 2006 15.763 triệu đồng. Mặc dù khoản chi trên vẫn còn cao so với dự toán nhưng sẽ có xu hướng giảm dần một cách tương đối, xu hướng giảm dần khoản chi này xuất phát từ những lý do sau: Hoàn thiện bộ máy quản lý hành chính, áp dụng hình thức khoán quỹ tiền lương và hoạt động phí, do việc nâng cao trình độ cán bộ công chức, do áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác quản lý.

+ Chi an ninh quốc phòng năm 2005 thực chi 12.845 triệu đồng so với dự toán 11.754 đạt 109,28%; năm 2006 chi 27.487 triệu đồng tăng so với năm 2005 là 14.642 triệu đồng; năm 2007 chi 20.660 và giảm so với 2006 là 6.827 triệu đồng. Số chi trong năm 2006 có biến động do một số nhiệm vụ chi cho nội dung này tăng và khoản chi này do tính chất đặc thù riêng kho bạc nhà nước chỉ kiểm soát theo nội dung quy định tại thông tư liên tịch số 23/2004/TTLT-BTC-BQP ngày 26/03/2004 và thông tư số 54/2004/TTLT-BTC-BCA ngày 10/06/2004 giữa Bộ Tài chính, Bộ Công an và Bộ quốc phòng.

+ Chi trợ giá hàng chính sách do Trà Vinh là địa phương vùng sâu, ưu đãi chính sách dân tộc nên được trợ giá một số mặt hàng thiết yếu phục vụ cho nhu cầu đời sống của nhân dân trong vùng. Số chi này đều chi thấp hơn dự toán được giao hàng năm; năm 2005 chi 2.855 triệu đồng thấp hơn dự toán 1.407 triệu đồng, năm 2006 chi 3.938 triệu đồng thấp hơn dự toán 481 triệu đồng; năm 2007 số chi 4.250 triệu đồng thấp hơn 504 triệu đồng.

+ Chi khác hàng năm đều chi vượt nhiều so với dự toán do hoàn trả các khoản thu năm trước, chi khen thưởng và chi phí xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, chi hỗ trợ hoạt động hội khuyến học và hỗ trợ khác. Năm 2005 chi 9.539 triệu đồng so với dự toán 3.220 triệu đồng vượt 196,24%; năm 2006 chi 12.276 triệu đồng so với dự toán 3.220 triệu đồng vượt 281,24% năm 2007 chi 8.100 triệu đồng so với dự toán 3.115 triệu đồng vượt 160,03%.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ trong 2 năm 2005, 2006 đều cố định 800 triệu đồng/năm, riêng năm 2007 là 1.000 triệu đồng.

- Tỉnh Trà Vinh là một trong những địa phương hàng năm được Trung ương chi trợ cấp ngân sách do nguồn thu không đảm bảo chi cho hoạt động trên địa bàn, trong năm 2005 đã chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới 318.891 triệu đồng so với dự toán 198.952 triệu đồng vượt 60,28%, trong đó chi bổ sung cân đối là 236.469 triệu đồng; năm 2006 chi 423.199 triệu đồng cao hơn năm 2005 là 104.308 triệu đồng; năm 2007 chi bổ sung 490.495 triệu đồng cao hơn năm 2006 67.296 triệu đồng. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới qua bảng số liệu trên cho thấy số chi này hàng năm đều tăng lên đáng kể nguyên nhân là do trong giai đoạn này có thay đổi chính sách về tiền lương...

Thông qua tình hình thực hiện về quản lý chi ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước có những ưu khuyết điểm sau:

*** Ưu điểm:**

- Công tác kiểm soát chi đã thực sự phát huy tác dụng trong việc quản lý quỹ Ngân sách Nhà nước. Đến nay đa số các đơn vị sử dụng Ngân sách Nhà nước đã chấp hành tốt việc kiểm soát chi của Kho bạc. Cụ thể trong việc sử dụng kinh phí hạch toán chi tiêu đúng định mức chế độ quy định của Bộ Tài chính, đặc biệt việc quyết toán các khoản tạm ứng hàng tháng kịp thời không còn tình trạng kéo dài và chậm trễ.

- Thủ trưởng, kế toán trưởng đơn vị thụ hưởng Ngân sách Nhà nước đã nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc chấp hành chế độ hóa đơn, chứng từ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước.

- Trên từng địa bàn, cơ quan Kho bạc Nhà nước thực hiện cấp phát thanh toán kịp thời đáp ứng nhu cầu chi, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương theo kế hoạch và đột xuất nhưng vẫn đảm bảo đúng chế độ quy định của Nhà nước.

*** Hạn chế:**

-Việc phê duyệt và phân bổ dự toán của một số bộ ngành cho đơn vị trực thuộc còn chậm và chưa sát thực tế, vẫn còn tình trạng cấp dự toán bổ sung nhiều lần trong năm, việc thẩm tra của cơ quan Tài chính chưa chuẩn xác dẫn đến một số đơn vị thụ hưởng khi xây dựng phân bổ dự toán có nhóm mục thừa, nhóm mục thiếu sau đó tiến hành điều chỉnh làm cho công tác kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước mang tính hình thức chưa phát huy được vai trò tác dụng của công tác này.

-Việc Kho bạc nhà nước nơi giao dịch trực tiếp với các đơn vị thụ hưởng ngân sách từ chối thanh toán một số khoản chi chưa chấp hành đúng thủ tục, chế độ quy định chỉ mang tính sửa sai, chưa có tác dụng gắn trách nhiệm chế độ thủ trưởng trong việc chuẩn chi, thu hồi về cho ngân sách các khoản chi sai chế độ định mức..

Tóm lại

Từ khi thực hiện sửa đổi luật ngân sách chuyển từ cơ chế cấp phát Hạn mức kinh phí sang cấp phát bằng Dự toán nhằm nâng cao hiệu quả trong việc quản lý và chủ động sử dụng kinh phí của từng ngành, đơn vị khi được giao dự toán. Trong công tác quản lý cấp phát chi Ngân sách, mọi khoản chi qua Kho bạc đã kiểm soát chặt chẽ đúng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, của Kho bạc nhà nước, tuyệt đối từ chối các khoản chi không có trong dự toán, những khoản chi không đúng tiêu chuẩn định mức..tránh tình trạng chạy chi ngân sách cuối năm. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện cũng còn gặp nhiều khó khăn như cơ chế kiểm soát còn nhiều nội dung chi vận dụng riêng cho từng lĩnh vực, ngành không thống nhất chung theo mục lục ngân sách đã ban hành.

Chi thường xuyên tăng chi cao hơn dự toán do một số nguyên nhân chủ yếu như: việc thay đổi chính sách sách tiền lương từ mức lương tối thiểu 350.000 đồng lên 450.000 đồng đã ảnh hưởng rất nhiều trong việc chi trả tiền lương cho bộ máy quản lý hành, các khoản chi vượt dự toán đều có dự toán bổ sung, lập dự toán chưa sát với số thực hiện nhiệm vụ chi trên địa bàn, nhưng đối với sự cố gắng kiên trì, chịu khó tìm tòi và nắm vững nghiệp vụ của cán bộ công chức Kho bạc đã giúp Kho bạc Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ được giao.

IV. Một số công tác liên quan đến quỹ Ngân sách Nhà nước

1.Công tác quản lý điều hoà vốn và thu chi tiền mặt:

Để đảm bảo khả năng thanh toán cấp phát tại từng đơn vị Kho bạc và trong hệ thống Kho bạc thì Kho bạc Nhà nước phải thực hiện công tác điều hoà vốn.

Tại Kho bạc Nhà nước Trà Vinh, việc điều chuyển vốn được chuyển từ Kho bạc Tỉnh về nhiều hơn do ở Huyện thu không đủ chi, vì kinh phí hàng

tháng kể cả dự toán kinh phí và tiền gửi của đơn vị dự toán thuộc Ngân sách Trung ương, Ngân sách Tỉnh chuyển về cho các đơn vị có mở tài khoản tại Kho bạc rất nhiều nên lượng tiền mặt không đủ đáp ứng kịp thời cho đơn vị. Do vậy mà Kho bạc Tỉnh phải chuyển vốn xuống cho Kho bạc Huyện trực thuộc.

Hiện nay, việc điều chuyển vốn từ Kho bạc Tỉnh xuống Kho bạc Huyện chủ yếu được thực hiện chuyển khoản qua Ngân hàng nông nghiệp đóng trên địa bàn các huyện.

Đối với Kho bạc huyện điều chuyển vốn về Kho bạc Tỉnh khi vào vụ thuế nông nghiệp tiền mặt thừa nhiều so với định mức tồn ngân quỹ của Kho bạc Tỉnh đã quy định. Riêng đối với các đơn vị giao dịch, hàng quý lập kế hoạch tiền mặt gửi đến Kho bạc để Kho bạc căn cứ vào đó để lập kế hoạch tiền mặt gửi về Kho bạc cấp trên để Kho bạc cấp trên căn cứ vào đó điều chuyển vốn cho Kho bạc cấp dưới.

Qua công tác quản lý điều hòa vốn và tiền mặt trong hệ thống Kho bạc thông qua hệ thống Ngân hàng nông nghiệp dựa trên kế hoạch tình hình thực tế phát sinh trên địa bàn, thực hiện nghiêm túc định mức tồn ngân quỹ, tồn quỹ tiền mặt Kho bạc Nhà nước cấp trên thông báo, tránh được tình trạng ứ đọng ở từng đơn vị Kho bạc Nhà nước nhất là vào mùa thu thuế cao điểm, nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ vốn thanh toán kịp thời đáp ứng mọi nhu cầu chi của các đơn vị giao dịch.

Trong những năm qua công tác quản lý thu, chi, thanh toán bằng tiền mặt đã được các đơn vị thuộc hệ thống Kho bạc tổ chức thực hiện tốt, có nhiều chủ động cân đối vốn tiền mặt, trong thu chi chấp hành tốt các quy định về quản lý thu, chi của Kho bạc Nhà nước. Tuy nhiên việc thanh toán bằng tiền mặt cho các đơn vị sử dụng ngân sách các khoản mua sắm trang thiết bị, thanh toán vốn đầu tư ...còn nhiều bất cập, có tình trạng chiếm dụng vốn, thanh toán không đúng theo hợp đồng, xảy ra những tình trạng tiêu cực khác như mất quỹ, tiền rút về sử dụng sai mục đích.

Qua đó việc quản lý biên chế quỹ tiền lương là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm từng bước cải thiện tình trạng thu, chi ngân sách đảm bảo chi đúng, chi đủ kịp thời các khoản chi lương, phụ cấp, trợ cấp cho các đối tượng hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước. Kho bạc là đầu mối trực tiếp quản lý và cấp phát tiền mặt các khoản cho đơn vị hưởng lương từ ngân sách. Vì vậy, Kho bạc Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong cơ chế quản lý biên chế quỹ lương.

2. Vai trò của Kho bạc Nhà nước trong việc kiểm soát chi Ngân sách Nhà nước:

Thực hiện Thông tư số 18/2006TT-BTC ngày 13/03/2006 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và thông tư Liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17/01/2006 của Bộ Tài chính và Bộ nội vụ quy định về kiểm soát chi đối với cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính. Đây là bước thí điểm ở một số cơ quan nhà nước về khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Quyết

định số 192/2001/QĐ-TTg ngày 17/12/2001 của Thủ tướng chính phủ chuyển sang thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính.

Thực tiễn yêu cầu quản lý cho thấy, kiểm soát chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc là một đòi hỏi khách quan hết sức cấp bách trong quá trình đổi mới hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính Nhà nước.

Trong thời kỳ Nhà nước đổi mới cơ chế kế hoạch hóa cũng như các quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực lập và phân bổ Ngân sách Nhà nước, chuyển hẳn cách quản lý ngân sách sang phương thức dự toán. Dự toán ngân sách được duyệt là mức tối đa được chi có tính pháp lệnh và đây cũng là căn cứ quan trọng để quản lý chi tiêu đảm bảo đúng mục đích, đúng chế độ, ngăn chặn tình trạng sử dụng kinh phí sai mục đích, lãng phí.

Để tăng cường kiểm soát chi ngân sách Nhà nước đảm bảo tính tiết kiệm hiệu quả lập lại kỷ cương kỷ luật trong quản lý Ngân sách Nhà nước phân định trách nhiệm của cơ quan Tài chính, cơ quan Kho bạc Nhà nước và cơ quan thụ hưởng Ngân sách.

Tăng cường kiểm soát chi là hết sức cần thiết hoàn toàn phù hợp với yêu cầu quản lý cơ chế quản lý, cải tiến chế độ cấp phát quản lý chi Ngân sách Nhà nước là một yêu cầu rất cần thiết của ngành Tài chính, Kho bạc Nhà nước, việc cấp phát vốn ngân sách đảm bảo nhanh chóng, kịp thời đúng mục đích, sát thực tế, chặt chẽ, chống thất thoát vốn, cơ quan Tài chính và Kho bạc Nhà nước phải kiểm soát được việc sử dụng các khoản cấp phát đó đúng mục đích dự toán được duyệt hay không? Góp phần ngăn chặn ngay từ đầu tình trạng chi tiêu Ngân sách Nhà nước sai mục đích là lãng phí công quỹ.

Tuy nhiên trong công tác kiểm soát chi hiện nay của các đơn vị sử dụng ngân sách vừa sử dụng dự toán giao thực hiện chế độ tự chủ giao chung vào nhóm mục chi khác và phần dự toán giao không thực hiện chế độ tự chủ giao theo 4 mục chi theo quy định tại thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/06/2003 của Bộ Tài chính, việc này đã làm cho khối lượng quản lý và kiểm soát chi của Kho bạc tăng lên, đơn vị sử dụng ngân sách phải theo dõi riêng 2 nguồn kinh phí .

3. Công tác kế toán Kho bạc:

Kế toán Kho bạc là công cụ quan trọng để quản lý và điều hành hoạt động của ngành. Trong những năm qua, kế toán Kho bạc thực hiện việc phản ánh ghi chép hàng ngày đầy đủ mọi khoản thu chi Ngân sách Nhà nước các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của Kho bạc Nhà nước. Qua đó, quá trình hoạt động nội dung và chất lượng công tác kế toán ngày càng được củng cố và hoàn thiện.

Thông qua kế toán Kho bạc phản ánh ghi chép tình hình thu chi theo niên độ, theo từng cấp ngân sách, từng khoản thu chi giúp cơ quan Tài chính, Chính quyền và Kho bạc Nhà nước cấp trên nắm bắt kịp thời diễn biến thu chi ngân sách trên địa bàn, tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách, báo cáo thu chi theo mục lục ngân sách quy định. Bên cạnh việc đó, việc quản lý các tài khoản cũng được kiểm tra chặt chẽ, phát hiện những điểm sai như phát hành Séc quá số dư, ghi sai tính chất kinh tế...

- Về thanh toán:

Việc cấp phát, chi trả Ngân sách Nhà nước thông qua công cụ thanh toán, Kho bạc Nhà nước trong những năm qua đã cải thiện đáng kể, cùng với việc phát triển hệ thống thanh toán thì hệ thống thanh toán nội bộ Kho bạc Nhà nước (thanh toán liên kho bạc) đã được xác lập, từng bước được tinh học hóa, nhờ vậy đã tạo điều kiện cấp phát, chi trả thuận tiện cho khách hàng, giảm đáng kể lượng thanh toán chi trả Ngân sách Nhà nước bằng tiền mặt. Đến nay thì hệ thống thanh toán của Kho bạc Nhà nước đã thực sự hòa nhập với môi trường thanh toán chung, đủ điều kiện phục vụ thanh toán nhanh.

4. Công tác đảm bảo an toàn kho quỹ:

Trong những năm qua, việc đảm bảo an toàn tiền và tài sản Nhà nước rất được chú trọng, nhất là quy trình xuất nhập quỹ, quản lý kho, kiểm kê, kiểm đếm đóng bó niêm phong... được thực hiện đúng quy trình, việc kiểm quỹ hàng ngày rất được coi trọng. Thực hiện tốt công tác hạch toán kho quỹ, mở sổ sách thống kê theo dõi chặt chẽ tiền và tài sản, đảm bảo các nguyên tắc quản lý kho quỹ, chế độ bảo quản chìa khóa, kho, két, phòng chống cháy nổ, chống mối mọt. Việc trang bị hệ thống kho, két sắt, máy đếm tiền tương đối đầy đủ. Ngoài ra cán bộ kho quỹ luôn được rèn luyện và nâng cao tay nghề. Qua đó đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác, thể hiện tính trung thực, liêm khiết của người cán bộ kho quỹ để ngày càng nâng cao uy tín của ngành.

5. Công tác thống kê và thông tin kinh tế:

Đây là công tác có ý nghĩa rất quan trọng, giúp cơ quan Tài chính, Thuế, Chính quyền các cấp và báo cáo về Kho bạc Nhà nước cấp trên những thông tin nhanh phục vụ cho công tác điều hành Ngân sách Nhà nước trên địa bàn.

6. Công tác huy động vốn:

Kho bạc Nhà nước với vai trò là Ngân hàng chính phủ, Kho bạc đứng ra huy động vốn cho ngân sách Nhà nước dưới hình thức phát hành tín phiếu, trái phiếu Kho bạc để bù đắp bội chi ngân sách và để đầu tư phát triển. Tuy nhiên với tình hình kinh tế địa phương chưa phát triển mạnh, mức thu nhập của người dân còn thấp làm cho công tác huy động vốn của Kho bạc Trà Vinh còn gặp nhiều khó khăn.

7. Công tác thanh toán vốn đầu tư:

Đầu tư xây dựng cơ bản theo các mục tiêu kinh tế, xã hội là một nhiệm vụ chính trị, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi hàng năm của ngân sách Nhà nước. Công tác này đòi hỏi phải nắm vững, tôn trọng và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định có tính chất pháp quy của nhà nước về quản lý xây dựng cơ bản, phải có kiến thức cần thiết am hiểu về kỹ thuật chuyên môn.

Mặc dù công tác thanh toán vốn đầu tư rất mới mẻ đối với Kho bạc nhưng do nhận thức được vai trò trách nhiệm của mình đối với công tác này nên các cán bộ Kho bạc đã không ngừng học tập công văn, chỉ thị, học hỏi kinh nghiệm để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, cho đến nay công tác thanh toán vốn đầu tư qua Kho bạc đã từng bước ổn định.

V. Những vấn đề cần khắc phục, chấn chỉnh, sửa chữa trong quản lý quỹ Ngân sách Nhà nước trong thời gian qua.

Qua 15 năm hoạt động hệ thống Kho bạc nhà nước Trà Vinh đã từng bước ổn định và phát triển, đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới quản lý tài chính-ngân sách. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động hệ thống Kho bạc nhà nước Trà Vinh cũng còn một số tồn tại, hạn chế nhất định:

Một là Trong lĩnh vực quản lý quỹ ngân sách nhà nước và các quỹ tài chính: Sự gắn kết giữa khâu quản lý quỹ ngân sách nhà nước với các khâu khác của chu trình quản lý ngân sách nhà nước, đặc biệt là khâu lập dự toán và phân bổ ngân sách chưa cao vẫn còn tình trạng cấp bổ sung dự toán nhiều lần trong năm. Công tác tập trung nguồn thu ngân sách nhà nước còn hạn chế nhất định như chưa xây dựng cơ sở dữ liệu về thu ngân sách nhà nước dùng chung trong ngành tài chính, quy trình thủ tục thu ngân sách nhà nước, chưa hiện đại cơ chế kiểm soát chi ngân sách nhà nước vẫn chưa có biện pháp cam kết chi tiêu, phân định trách nhiệm chưa thật sự chặt chẽ khi còn nhiều cơ quan, đơn vị tham gia vào quá trình kiểm soát chi ngân sách nhà nước.

Do kho bạc Nhà nước chưa được giao trách nhiệm quản lý toàn bộ các quỹ tài chính nhà nước, các khoản chi ngân sách nhà nước từ nhiều nguồn vốn khác nên dẫn đến thiếu thống nhất và làm giảm hiệu quả của công tác quản lý tài chính.

Hai là Quản lý quỹ Kho bạc nhà nước mới chỉ chú trọng đến mục tiêu an toàn và đáp ứng khả năng thanh toán của ngân sách nhà nước và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, chưa tính đến mục tiêu hiệu quả và chưa được coi là một chức năng của Kho bạc nhà nước.

Ba là Hiệu quả công tác huy động vốn cho ngân sách nhà nước và đầu tư phát triển chưa cao, thể hiện công tác kế hoạch hóa chưa được chú trọng, chưa có sự gắn kết giữa quản lý ngân quỹ với hoạt động vay nợ còn những bất cập về tính công khai, minh bạch, tính thanh khoản và kỹ thuật phát hành. Việc phân tích, đánh giá nợ từ trái phiếu Chính phủ còn hạn chế, chưa chuyên nghiệp.

Bốn là Công tác kế toán và báo cáo tài chính: Kế toán thu, chi ngân sách nhà nước chưa tập trung thống nhất về tổ chức, phạm vi, nội dung và phương pháp dẫn đến số liệu thu, chi ngân sách nhà nước giữa Kho bạc nhà nước, cơ quan tài chính, cơ quan thu không thống nhất. Chưa có hệ thống thông tin tập trung có khả năng thu thập, xử lý, khai thác, truyền và nhận dữ liệu về tài chính kế toán một cách kịp thời, đầy đủ và thống nhất.

Năm là Công nghệ thông tin Kho bạc nhà nước: Trang thiết bị, hạ tầng truyền thông chưa đáp ứng yêu cầu tin học hóa của Kho bạc nhà nước. Việc xây dựng và triển khai một số chương trình ứng dụng còn chậm, thiếu tính

thích hợp, chất lượng chưa cao. Nhân lực công nghệ thông tin Kho bạc nhà nước còn thiếu khả năng thiết kế hệ thống và chưa chuyên nghiệp.

Sáu là Về hoàn thiện tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ cán bộ của Kho bạc nhà nước: Nhiệm vụ của một số đơn vị, bộ phận trong nội bộ Kho bạc nhà nước, giữa Kho bạc nhà nước và một số đơn vị liên quan trong hệ thống cơ quan Tài chính còn một số điểm chưa thống nhất, hạn chế hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành Kho bạc nhà nước. Hiệu quả công tác quản lý cán bộ còn thấp, trình độ năng lực của cán bộ có nơi thừa có nơi còn thiếu so với yêu cầu công tác.

CHƯƠNG III

NHỮNG KIẾN NGHỊ GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ QUỸ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Phương hướng hoàn thiện công tác quản lý quỹ ngân sách nhà nước đến năm 2010:

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã đề ra hàng loạt các giải pháp tài chính, tiền tệ, tín dụng để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đến năm 2010, trong đó nhấn mạnh một số nhiệm vụ trọng tâm: *Đổi mới cơ chế quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện các công việc được ngân sách cấp kinh phí. Xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn tạo cơ sở nâng cao chất lượng dự toán. Tăng cường phân cấp quản lý ngân sách, bảo đảm tính thống nhất về thể chế của ngân sách nhà nước và vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước. Xây dựng thể chế giám sát tài chính đồng bộ; hiện đại hóa công nghệ giám sát. Chuẩn mực hóa hệ thống kế toán, kiểm toán phù hợp với thông lệ quốc tế,... Mở rộng nhanh các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán qua ngân hàng,..*

Xuất phát từ thực trạng hoạt động của Kho bạc nhà nước, yêu cầu của cải cách và phát triển tài chính công, tác động của xu thế hội nhập kinh tế quốc tế cho thấy việc xây dựng phương hướng hoàn thiện công tác quản lý quỹ Ngân sách nhà nước đến năm 2010 là vấn đề cần thiết khách quan. Chiến lược phát triển Kho bạc nhà nước là cơ sở động lực để Kho bạc nhà nước cải cách và phát triển vững chắc, góp phần tích cực vào việc xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, công khai minh bạch.

Phương hướng hoàn thiện hoàn thiện và phát triển chức năng, nhiệm vụ của Kho bạc nhà nước để đến năm 2010 tạo dựng được nền tảng xây dựng Kho bạc nhà nước hiện đại với một số nhiệm vụ sau:

- Hoàn thiện thể chế chính sách và quy trình nghiệp vụ;
- Hiện đại hóa công nghệ quản lý đặc biệt là công nghệ tin học nhằm hướng tới xây dựng kho bạc điện tử;
- Kiện toàn tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực.

2. Những kiến nghị góp phần hoàn thiện công tác quản lý quỹ ngân sách nhà nước đến năm 2010.

2.1. Hiện đại hóa cơ chế quản lý thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước:

- Hoàn thiện quy trình thu ngân sách nhà nước theo hướng đơn giản về thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng nộp thuế. Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan thu, cơ quan tài chính, ngân hàng, Kho bạc nhà nước và đối tượng nộp thuế trong công tác tổ

chức thu, nộp ngân sách nhà nước, đảm bảo tất cả các khoản thu của ngân sách nhà nước đều phải tập trung đầy đủ, kịp thời vào Kho bạc nhà nước.

- Thực hiện trao đổi thông tin về thu ngân sách nhà nước giữa các hệ thống Thuế-Hải quan-Kho bạc nhà nước-Cơ quan tài chính, thống nhất kế toán thu ngân sách nhà nước về một đầu mối do cơ quan Kho bạc nhà nước thực hiện; thực hiện các giao dịch điện tử trong công tác thu nộp ngân sách nhà nước như nộp thuế qua thẻ tín dụng, qua mạng..

- Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung trong ngành tài chính về quản lý thu ngân sách nhà nước nhằm thiết lập hệ thống báo cáo thống kê thống nhất về thu ngân sách nhà nước, phù hợp với chế độ kế toán nhà nước.

2.2. Hoàn thiện công tác quản lý, kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho Bạc nhà nước:

- Từng bước chuyển dần việc quản lý, kiểm soát chi ngân sách nhà nước theo yêu tố đầu vào sang thực hiện, quản lý, kiểm soát chi theo kết quả đầu ra, theo các nhiệm vụ và chương trình ngân sách, thực hiện phân loại các khoản chi theo nội dung và giá trị để xây dựng quy trình kiểm soát chi hiệu quả.

- Cải cách công tác kiểm soát chi ngân sách nhà nước gắn với việc phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan tài chính, cơ quan chủ quản, Kho bạc nhà nước và các đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

- Cải cách thủ tục hành chính trong công tác kiểm soát chi đảm bảo đơn giản, rõ ràng, minh bạch về hồ sơ, chứng từ, nội dung kiểm soát, từng bước xây dựng và áp dụng quy trình, thủ tục kiểm soát chi điện tử.

- Giảm dần tỷ trọng thanh toán bằng tiền mặt qua hệ thống kho bạc Nhà nước.

- Kết nối và trao đổi thông tin với các đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, tăng cường thanh toán trực tiếp từ Kho bạc nhà nước cho các cá nhân, đơn vị cung cấp hàng hóa.

2.3.Đổi mới công tác quản lý ngân quỹ:

- Xây dựng khuôn khổ pháp lý cho công tác quản lý ngân quỹ, xác định rõ cơ chế, trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan Tài chính và các cơ quan khác có liên quan trong việc quản lý ngân quỹ, quản lý tài khoản Kho bạc nhà nước, dự báo luồng tiền đầu tư ngân quỹ.. nhằm đáp ứng 02 yêu cầu cơ bản trong công tác quản lý ngân quỹ Kho bạc nhà nước là an toàn và hiệu quả.

2.4. Cải cách công tác quản lý nợ trái phiếu Chính phủ:

- Cần mở rộng việc huy động vốn qua thị trường chứng khoán thông qua các phương thức đấu thầu, bảo lãnh phát hành, giảm dần khối lượng phát hành trái phiếu theo phương thức bán lẻ qua hệ thống Kho bạc nhà nước.

- Đa dạng hóa các công cụ huy động vốn dưới hình thức tín phiếu, trái phiếu với các kỳ hạn khác nhau để phù hợp với yêu cầu sử dụng vốn và nhu cầu của cá nhà đầu tư.

-Phát triển thị trường trái phiếu Chính phủ hướng tới mục tiêu minh bạch, hiện đại và thanh khoản cao, gắn với sự phát triển của thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và sự hài hòa giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ.

-Xây dựng hệ thống kiểm soát và quản lý toàn diện các thông tin về giao dịch phát hành, thanh toán, mua lại và chuyển đổi trái phiếu Chính phủ.

2.5. Hoàn thiện và cải cách công tác kế toán:

-Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán theo hướng thống nhất dữ liệu, báo cáo tài chính, đảm bảo phù hợp với tổ chức bộ máy hành chính và cơ chế quản lý tài chính-ngân sách nhà nước trên cơ sở phân định rõ chức năng, nhiệm vụ các đơn vị kế toán tập trung, phụ thuộc giữa cơ quan Kho bạc với các ngành, địa phương trong việc xử lý chứng từ ban đầu, tổng hợp số liệu, trách nhiệm giải trình báo cáo tài chính.

2.6. Hiện đại hóa hệ thống thanh toán Kho bạc nhà nước.

-Hiện đại hóa công tác thanh toán của Kho bạc nhà nước trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, theo hướng tự động hóa tối đa quy trình nghiệp vụ nhằm tăng tốc độ xử lý các giao dịch đảm bảo dễ dàng kết nối, giao diện với các hệ thống ứng dụng khác.

-Hoàn thiện công tác thanh toán chuyển tiền điện tử trong hệ thống Kho bạc nhà nước, tham gia thanh toán điện tử song phương giữa Kho bạc nhà nước với các đơn vị thanh toán, mở rộng thanh toán bù trừ điện tử trên địa bàn thông qua hệ thống thanh toán liên ngân hàng, đảm bảo đáp ứng yêu cầu thanh toán nhanh chóng, chính xác an toàn, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ và tiết kiệm chi phí thanh toán...

2.7. Hiện đại hóa công nghệ thông tin Kho bạc nhà nước.

-Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật tiên tiến, đáp ứng mục tiêu hiện đại hóa công nghệ thông tin của Kho bạc nhà nước, triển khai hệ thống an toàn bảo mật hệ thống thông tin vận hành các ứng dụng hiện đại, trực tuyến và tập trung.

-Thiết kế và xây dựng các kho dữ liệu, bao gồm các dữ liệu về thu, chi ngân sách nhà nước, quản lý nợ và các hoạt động nghiệp vụ khác của Kho bạc nhà nước để phục vụ cho công tác quản lý, đảm bảo cung cấp thông tin cho cơ sở dữ liệu về tài chính-ngân sách, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý và điều hành nội bộ Kho bạc nhà nước.

-Thiết lập hệ thống dự phòng khắc phục thảm họa...

2.8. Cải cách tổ chức bộ máy Kho bạc nhà nước và phát triển nguồn nhân lực.

-Xác định nhu cầu nguồn nhân lực theo lộ trình đến năm 2010 nhằm kiện toàn bộ máy Kho bạc nhà nước gắn với cải cách hành chính theo hướng hiện đại, tin gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả để thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao và đảm bảo các nguyên tắc cơ bản là chuyên môn

hóa và quản lý theo chức năng, phân định rõ phạm vi và phân cấp quản lý, gắn nhiệm vụ, trách nhiệm với quyền hạn và các phương tiện thực hiện, đề cao vai trò, trách nhiệm cá nhân, đặc biệt là thủ trưởng đơn vị trong thực thi công vụ.

- Đổi mới công tác quản lý cán bộ nhằm sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức đảm bảo chất lượng, nâng cao tính chuyên nghiệp, phát triển đội ngũ cán bộ tác nghiệp giỏi, xây dựng được đội ngũ cán bộ trẻ giữ các chức vụ lãnh đạo, đảm bảo tính ổn định kế thừa và phát triển.

- Sử dụng nguồn nhân lực bên ngoài theo hướng chuyên nghiệp hóa đối với số công việc hoặc lĩnh vực không cần phải bố trí cán bộ trong biên chế.

Kết luận

Hệ thống Kho bạc Nhà nước đã trải qua một chặng đường cùng cố, hoàn thiện về các mặt với không ít khó khăn thử thách. Đối với hoạt động của cả hệ thống mới ra đời còn quá ngắn, nhưng thực tế hoạt động Kho bạc đã đi sâu vào cuộc sống, ngày càng phát triển và trưởng thành vững mạnh đã khẳng định được vị trí, vai trò của mình trong hệ thống Tài chính tiền tệ Nhà nước.

Qua đó Kho bạc Nhà nước nói riêng đã từng bước phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, nhất là trong việc quản lý quỹ Ngân sách Nhà nước, luôn xác định mối quan hệ thu và chi Ngân sách Nhà nước có ảnh hưởng và tác động đến sự phát triển kinh tế xã hội.

Những kết quả mà Kho bạc Nhà nước đạt được trước hết là có sự chỉ đạo của Bộ Tài chính, Kho Bạc nhà nước và sự phối hợp hỗ trợ của cơ quan Tài chính - Thuế với sự quan tâm của các cấp Ủy Đảng - Chính quyền địa phương, sự nỗ lực của các cán bộ ngành đã phấn đấu vượt qua khó khăn, đoàn kết thống nhất giữ vững kỷ cương, kỷ luật, điều đó có ý nghĩa quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động, chất lượng công tác của ngành trong những năm qua.

Tuy nhiên so với yêu cầu nhiệm vụ đổi mới công tác quản lý Tài chính tiền tệ hiện nay cũng còn một số mặt thiếu sót, hạn chế như đã nêu ở phần trước. Vì vậy đã khắc phục dần những tồn tại, nâng cao chất lượng công tác quản lý và điều hành Ngân sách Nhà nước, giúp Kho bạc Nhà nước thực hiện được vai trò nhiệm vụ của mình, cần phải hoàn thiện cơ chế thu trực tiếp qua Kho bạc Nhà nước.

Bằng những hiểu biết của bản thân, kết hợp với nghiên cứu cơ chế hoạt động của Kho bạc Nhà nước Trà Vinh trong thời gian qua, Em xin trình bày những kiến nghị và đề xuất những giải pháp như trên về vai trò của Kho bạc Nhà nước trong quản lý quỹ Ngân sách Nhà nước trong tình hình hiện nay.